

NĂM THỨ TƯ -- Số 92

ĐUỐC-TUỆ

1^{er} Septembre 1938

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Rickaud, Hanoi



Chức-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh-hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bình

Chánh chủ-bút, Phan-chung-Thứ
Sư-cụ chùa Bàng-ở
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền
Sư-cụ chùa Tế-Cá

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Hoàng phương Rực Haiphong	(53-100)	2.50
Lê đình Bích Phan thiết	(64-10)	1.50
Trần văn Trọng Phnom-penh	(53-100)	2.50
Võ thành Hay	— (77-100)	1.50
Trung Hòa Tam quan	(91-103)	0.80
Nguyễn thành Dương Bắc liêu	(65-40)	1.50
Phạm văn Quán	— (26-63)	1.00
Nguyễn văn Ngoat	— (29-64)	1.00
Trương văn Đờ	— (26-62)	1.00
Nguyễn văn Lộc Tân an	(53-100)	2.50
Lã văn Xuyên Ninh bình	(76-92)	1.50
Phạm huệ Địch	— (86-110)	1.50
Diệp huê Khai Long xuyên	(76-90)	1.00
Thực Hanam	(91-45)	1.50
Nguyễn văn Hương Sadeo	(77-100)	1.50
Hai Ngõ	— (76-99)	1.50
Lai Hộ	— (76-99)	1.50
Hai Bàng	— (76-99)	1.50
Trần hữu Lương Thanh hóa	(76-90)	1.50
Trần quang Minh Mỹ thọ	(76-107)	2.05
Dương ngọc Hội Thủ đầu một	(76-99)	1.50
Yết ma Thiện Bửu Hà tiên	(76-99)	1.50
Khứa văn Chư	— (76-99)	1.50
Phan văn Len	— (76-99)	1.50

Cùng các độc-giả mất báo. — Kỳ báo này bản báo xin gửi bù những số các ngài bị thiếu. Sự thất lạc ấy là do số Đuốc-tuệ. Xin các ngài phát bỏ để tâm hoan bị cho.

Đ. T.

GIẤY NÓI

Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật-giáo, Thái-Hử-ấp : Số 836
 Nhà in Đuốc-tuệ, chùa Quán-Sứ 73 Richaud Hanoi : Số 832

NHÂN - GIAN PHẬT - GIÁO

Xuy tới lý chân thật mầu nhiệm cao siêu tốt đẹp của đạo Phật, thì không còn mây may chút bụi. Nói đến chỗ thực hành trong đạo Phật thật không còn pháp gì là không có, nào từ bi trí tuệ, nhân nhục tình tiến, cương thường đạo đức, lễ nghĩa liêm xỉ, tu lễ trị bình, cho chí đến khoa-học chiết học cách vật trị trị mình tâm kiến linh cũng đều chỉ rõ như ngọc trong bàn tay, không có chi là mơ hồ huyền hoặc cả, song chỉ tiếc rằng ít người chịu nghiên cứu tu học theo đúng như tôn chỉ của đạo Phật, cho nên lòng người càng ngày diễn đảo truy lạc, thế giới ngày càng nguy hiểm khó khăn, hiện nay khắp hoàn-cầu đâu đây đều hết sức lìa lấy ánh sáng hòa bình để mưu cầu sự an lạc cho nhân loại, song xuy cho cùng xét cho kỹ, thật không khác chi con tằm muốn cầu sự yên ổn thân hình mà cứ nhả mãi tơ ra, kết cục mình lại ràng buộc lấy mình, không còn biết gỡ thế nào cho giải thoát được, người đời phần nhiều cũng thế, ngoài miệng thường nói: yêu hòa bình, trọng hòa bình, giữ hòa bình, song cái núi nhân ngã ghen ghét tạt đổ làn sát xâm chiếm chỉ biết lợi mình, ai chết mặc ai, nó cứ chông chốt mỗi ngày một cao chót vót mãi lên không biết đến đâu là cùng, thì biết đến đời nào mà dẫy cho bằng phẳng được, làm thế nào mà đạt tới chỗ hòa bình được, bởi vì lời nói với việc làm trái hẳn nhau như người treo cây tìm cá, xuống bể mò kim, quyết không thể được.

Vì thế mà xưa kia các bậc thánh nhân hiền triết đã lớn bao công khí nhọc tìm tòi các phương pháp để cứu vãn lòng người, đưa về đường chính, nếu muốn ăn quả tất phải gồng cây, muốn được sung sướng

yên vui, phải giữ nhiều điều lương thiện, phải biết thương yêu nhau, đoàn kết cùng lòng, tôn trọng kính mến nhau, trên dưới một lòng. trăm năm như một giờ, không hề đổi trắng thay đen lừa đảo gian dối, làm hại lẫn nhau, rồi khư khư giữ phần lợi riêng cho mình, thì mới tránh khỏi những nỗi lăm than, những điều thảm khốc được.

Ngày xưa vua A-xà-thế ở nước Ma-kiệt lại kiểm trị cả các nước chung quanh, bấy giờ ở gần đây có một nước tên là Việt-kỳ không chịu thuộc quyền. Vua A-xà-thế bèn hạ lệnh cho triệu tập tất cả các quan văn võ lại hội nghị bàn định với nhau rằng: khắp cả các nước lân cận đây đều phải tuân theo mệnh lệnh nước ta, chỉ duy còn có nước Việt-kỳ, đất rộng người nhiều của cải lại sẵn, vàng bạc châu báu hết thảy bái gì cũng đều dư rất, nhân dân cường thịnh yên vui, mà lại không chịu cống hiến phục tòng ta, nay ta nên đề binh sang đánh lấy nước ấy.

Bấy giờ đức Thích-ca cũng đương thuyết pháp giáo hóa chúng sinh ở núi Linh-thứu gần đây, vua bèn sai quan đại thần tên là Vũ-xã lại bái yết Phật và hỏi việc đó nên chăng thế nào xin Phật chỉ giáo cho. khi đến nơi vào lễ yết rồi Phật bèn hỏi thăm vua và nhân dân có được an lạc vui vẻ không, đến đây có việc gì.

— Lấy đức Thế tôn: Vua con có hiềm khích với nước Việt-kỳ nay muốn đem binh đánh, việc này vua tôi đã ấn định rồi. nay vua con sai đến lễ Phật bách Phật chỉ giáo nên chăng thế nào liệu có được không?

Này ông lặng yên mà nghe rồi về nói cho vua biết chớ nên cử động mà bị thiệt hại khổ sở chứ không có chi là thắng lợi đâu, chớ nên mơ tưởng tham cầu viễn vông quá, ông có biết linh linh phong tục lễ giáo của nhân dân nước ấy họ ăn ở xử đối với nhau thế nào không?

— Lấy Phật con chưa được tương lắm.

— Nhân dân nước ấy họ giữ đúng 7 điều sau này không sai một chút, nên không ai giám sát phạm đến tội sẵn. bờ cõi của họ bao giờ, những gì là 7 :

1. Họ thường hội họp với nhau bàn bạc tuyên giảng tu sửa giữ gìn chính pháp, trên dưới một lòng không hề can phạm bao giờ.

2. Vua lời hòa thuận các việc quan trọng dùng toàn những trung thần nghĩa sĩ, vua lời thường can gián bàn bạc không có sự gì trái ý nhau bao giờ.

3. Nhân dân đều hiểu pháp luật, giữ gìn pháp luật, toàn cả nước không hề nghe thấy sự lời thói bao giờ.

4. Bất luận trẻ già giai gái ai nấy đều giữ lễ độ khiêm tốn kính nhường thường yêu nhau như ruột thịt, trật tự rất là nghiêm cấm.

5. Ai nấy đều dốc lòng hiếu dưỡng cha mẹ, sự trưởng, chịu nghe những lời huấn hối lấy làm phép nước :

6. Kính phụng sợ hãi thần minh thiên địa xã tắc, nóng dân chăm chỉ không hề lười biếng, không bỏ mất thời vụ.

7. Kính trọng những bậc tu hành đạo đức, hoặc có vị nào ở xa đến, trên dưới chạnh nhau dâng cúng các thức ăn mặc cơm cháo thuốc thang không thiếu chút gì.

Ông về nói cho vua biết : phạm ông vua và nhân dân nước nào mà giữ đủ cả 7 phép đó, thì dù cả thiên hạ cùng đánh cũng không thể được, (đoạn này chép trong kinh Pháp cú dụ). Xem thế đủ rõ là Phật-giáo đối với nhân-gian có quan hệ biết chừng nào, thế mà có nhiều người tự xưng là học thức, không chịu xuy tìm nghiên cứu nghe nói đến đạo Phật với vàng đem lòng khinh bỉ chế dèm, bảo đạo Phật là mê tín, là trái ngược với cuộc nhân sinh tự mình đã hiểu nhầm rồi lại làm hại lây cả cho mọi người mà

giám cả gan xung là tin thực, những người như thế thật không khác chi người lùn xem đám chằng trông thấy gì, mà giám phê bình là hay là dở.

Vậy xin ước mong rằng ai muốn khen chê đạo Phật cần nên nghiên cứu cho thấu đáo triết đề rồi sẽ nói, chớ nên khư khư giữ cái ông ròm gòi đã vội cho gòi là nhỏ.

Trí-Hải

Giải đáp bức « thư không niệm »
câu hỏi chọn lý đạo Phật

(tiếp theo và hết)

IV. - Quý cư-sĩ hỏi : Trong thơ vịnh Sơn-cư :

山居風景自天然,
Sơn cư phong cảnh tự thiên nhiên,
大道昭昭在目前,
Đại đạo triêu-triêu tại mục tiền.
不識祖宗親密旨,
Bất thức tổ-tông thân mật chỉ,
徒勞念佛與參禪,
Đồ lao niệm Phật dữ tham thiền.

- Vậy thân-mật chỉ là gì ?

Giải : - Bài thơ này nói về chân-ảnh của đạo hay biểu-lộ ra ở những cảnh thiên-nhiên, tức như chỗ sơn cư cảnh-vật thiên-nhiên này, những rừng khe, hoa cỏ, chim muông tự-do sinh-hoạt kia, đều biểu lộ ra bản tính chân-như của đại đạo cả đó. Song có hiểu chỗ thân-mật-chỉ là chỗ « tâm truyền tâm » thân-thiết ân-mật của Phật và Tổ tương truyền thì súc cảnh mới thấy đạo chân-như được. Nếu không thế mà một chăm về sự niệm Phật với ngồi thiền bằng cách trống,

không, cách từ pháp, thì chỉ nhọc công mà không, bao giờ thấy được đạo.

Ở nơi rừng vắng cảnh thiên-nhiên,

Càng thấy đạo cả rõ triền-triền.

Không biết thân-mật-chỉ Phật tổ,

Uông công niệm Phật với ngời thiền.

V. — Quí cư-sĩ hỏi : Trong sách Kim-cang Chư-gia nơi bài giải có trưng bài kệ của Lục-tổ :

Thiền hà tỷ lãnh tịnh, định thủy trực ba tạng,

Trùng thân sanh giác tính, tức lực diệt mê tình,

Biển kế hư sanh diệt, nguyên lai giả lập danh,

Nhược liễu y tha khởi, vô biệt hữu viên thành.

Giải : — Cái chính : Đây là bài Thiền-định-tụng của Phó Đại-sĩ 傅大士 chứ không phải của Lục-tổ. — Câu đầu « tùy lãng tĩnh 隨浪靜 » chứ không phải « tỷ lãnh tịnh ». — Câu thứ 2 « trực ba tạng » chứ không phải « trực ba tạng ». — Câu thứ 5 « hư phân biệt 虛分別 » chứ không phải « hư sanh diệt ». 禪河隨浪靜, 定水逐波清. 證神生覺性, 息慮滅迷情. 遍計虛分別, 由來假立名. 若了依他起, 無別有圓成.

Bài kệ này tán-tụng công-đức thiền-định có hai phần nghĩa :

1. - Phần trên bốn câu nói về công-hiệu của phép thiền - định « Thiền » là tiếng Phạm « thiền-na » (Dhyana), tiếng Hán dịch là tư duy tu 思惟修 (phép tu suy nghĩ), là tĩnh lực 靜慮 (tĩnh tâm nghĩ ngợi), cũng dịch là định 定 (tâm yên định). Lại định là nghĩa cổn dịch tiếng tam muội (Samadhi) tức là chính-định, là định tâm bất loạn. Vậy thiền là phép tọa thiền đề tĩnh tâm quan lý, tam muội là phép nhập-định đề yên tâm vào một cõi. Hai phép thông nhau nên

gọi là thiên-định. Đây nói thiên-hà, định-thủy là nghĩa bóng : Sông thiên-na (ở Ấn-độ cũng có con sông gọi là Thiên-hà thực) và nước chính-định ở lòng ta. Ý nói khi cái vọng-niệm của ta nó nổi lên thì cũng như nước sông bị nổi sóng. Nhưng ta mà chứng được phép thiên-định thì lòng ta tự thành sông thiên nước định mà sóng tự im, nước tự trong ngay. Khi tinh-thần đã không vận-đục mà trong lặng thì cái giác tính vốn có của ta nó tự phát-sinh ra sáng láng, ta đã tất được mọi mối tư-lợi bão huyên thì cái vọng tính mê thấp kia nó cũng tự tiêu diệt hết. Bấy giờ ta mới càng sáng suốt mà xét thấu mọi lý.

2. — Phần dưới bốn câu nói về ba tính trong môn duy thức, nhờ có công-hiệu thiên-định mới biểu được ba tính này, có hiệu ba tính này mới biểu tính chân như là tính thứ ba trong ba tính này và là tính bản nguyện của đạo tức là pháp tính. Ba tính là : Tính biến-kế hay tính biến-kế sở-trấp 遍計所執性, tính y-tha-khởi và tính-viên thành-thực.

Biến kế sở-trấp tính là cái tính kế phạm phu theo vọng-tính hay so-bi khắp hết thấy mọi cái phép giả mà trấp làm có thực. Y tha khởi tính là cái tính nó không tự có, phải nhờ mọi nhân duyên khác hòa-hợp lại mới thành. Viên thành thực tính là cái tính chân thực vốn có và viển-mãn thành tựu làm chủ cả muôn vàn hiện tượng, tức là chân-như là pháp tính, là bản tính có một của đạo, cho nên đây nói vô biệt hữu 無別有, nghĩa là chỉ có một nó là thực, không còn có tính khác nào là thực nữa.

Vậy phần này là ý nói : ta đã định-được tám đề quan lý rồi, ta xét đến ba tính. Ta phải biết cái tính biến kế nó hay phân biệt cái này khác cái kia, nhưng phân biệt như thế là sự vô ích. Vì rằng cái này cái kia chính nó vốn không có thực, sở dĩ nó có những cái tên này tên nọ là người ta đặt ra những cái tên giả đề

gọi tạm đó mà thôi. Xét như thế ta sẽ hiểu rõ ra rằng, muôn vàn hiện tượng mỗi cái đều phải nhờ mọi nhân duyên khác mà thành chứ chính nó không tự có, mà chỉ có một tính viên thành thực là bản như pháp tính, bản thể của đạo, là thực có, ngoài ra không còn có tính khác nào là thực nữa. Ta nên tin cậy vào đấy mà thôi.

Thiền-hà im hẳn sóng, định thủy bỗng khơi trong.

Càng tỉnh càng trí-luệ, hết lo hết mơ màng.

Biển-kẻ là tin giả, y tha là duyên chung,

Chỉ một viên thành thực, là tinh có vô cùng.

VI. — Quý cư-sĩ hỏi về một bài kệ trong tập Luân-quán 輪貫 của kinh Hoa-nghiêm :

Đức sinh hữu đức lưỡng hòa dung,

Đồng huyễn đồng sanh thể mạc cùng.

Đồng trụ đồng tu thành giải thoát,

Đồng bi đồng tri hiển linh công.

Đồng viên đồng tưởng tâm minh khế,

Đồng kiến đồng tri đạo chuyên thông.

Nhược yếu nhất sanh thành Phật quả,

Tỳ lư lâu các tại nam trung.

Mục-dịch cao thượng Phật pháp hoàn toàn trong bài này, hận vì không thông nghĩa-lý ra thế nào ?

Giải : — Đây là bài Phật - quốc - tụng mà Phục-am Hòa-thượng 復庵和尚 dẫn vào tập Luân-quán kinh Hoa-nghiêm. Bài trên ấy in có vài chỗ sai xin cải chính. — Câu thứ 3, « Ý mạc cùng 意莫窮 » chứ không phải « thể mạc cùng ». Câu thứ 4, « sinh giải-thoát 生解脫 » chứ không phải « thành giải thoát ». Câu thứ 5, « đồng duyên đồng tưởng 同緣同想 » chứ không phải « đồng viên đồng tưởng ».

德生有德兩和融, 同幻同生意莫窮, 同住同修生解脫, 同悲同智顯靈功, 同緣同想心冥契,

同見同知道轉通若要一生成佛莫毘盧樓閣在南中。

Bài này là tán tụng công đức cùng tu cùng chứng của hai người đồng-trình bên nước Phật mà Thiệu-tài sau khi vâng lời Văn-thù Bồ-tát đã đi qua gần khắp 110 thành-thị và tham gần hết 53 bậc thiện tri thức mới gặp. Hai người này, một là đồng nam tên là Đức sinh một là đồng nữ tên là Hữu đức. Hai người cùng ở một nơi cùng tu cùng chứng. nam (trai) là biểu hiệu đức trí tuệ, nữ (gái) là biểu hiệu đức bi - mẫn. Đồng-tử là biểu-hiệu đức không nhiễm. Nhau gặp hai người này mà Thiệu-tài biết được đường sang cõi nam đến nơi lâu các của Đức Di-lặc, tức câu ở cuối bài tụng trên ấy gọi là Tỳ-lư lâu các, nghĩa là lâu-các của Đức Phật Tỳ-lư-già-na. Vậy ý bài này là nói :

Việc hai đồng tử Đức sinh với Hữu-đức cùng nhau dung hòa tu chứng nó có cái ý nghĩa không cùng, là căn tuy khác mà sinh là huyễn sinh cả. Cho nên cùng trụ cùng tu với nhau, tự nhiên cùng giải thoát cả mọi sự vọng tình, và cùng làm hiển dương cái công đức thiêng liêng của hai đức bi trí do hai căn tình. Đã cùng kết một thiện duyên, cùng chứng một tướng niệm ở nơi cõi lòng mơ màng kia, thì sự hiểu biết về đạo tất cũng cùng chuyển thông với nhau cả. Tuy nhiên, hai người tu chứng ở nơi này thì như thế, nhưng Thiệu-tài mà cầu thành Phật quả ngay ở đời nay thì xin tìm sang tới chỗ Tỳ-lư lâu các ở cõi nam kia.

Ấy chỗ mà Quý cư sĩ cho là mục đích cao thượng trong Phật pháp là ở chỗ hai đồng nam nữ cùng trụ cùng tu cùng giải thoát đó

Đức sinh, Hữu đức hai người chung,

Huyễn sinh cuộc ấy diệu vô cùng.

Một chốn tu hành cùng giải thoát,

Đôi điều bi trí gắng thành công.

Kết duyên tray lịnh lòng mơ tưởng,
 Bàn rghĩa cao siêu đạo chuyển thông.
 Nếu muốn thân này thành Phật quả,
 Phật đài tìm tới cõi Nam trung.

VII. - Quý cư sĩ hỏi : Lại nơi mộ trí tháp Tô Liễu-
 quang ở Huế có câu rằng :

Huyền nhai táng thủ, tự không thừa đương.

Tiệt hậu tái tổ phi quán bất khả.

Giải : - Xem ý bài mộ mình này không có nghĩa chính
 gì về đạo thể, mà chỉ là lời tán tụng người chết ấy một
 cách tuyệt vọng. Nghĩa là nói phi người chết ấy sống lại
 thì không còn ai thừa đương nối được đạo cao siêu ấy
 Vậy xin miễn giải tường.

Thấy bài mộ mình này lục vào đây, biết Quý cư sĩ có
 cái hậu ý là tìm đạo thông đến cả trong quốc độ mình.
 Nhưng tiếc rằng đã có cái hậu ý ấy mà Quý cư sĩ không
 chịu đọc mục « Việt nam thiên-tông thể-hệ » trong
 Đuốc-Tuệ hay là đọc các sách ngữ lục của Chư tổ Lý
 Trần. Nếu đọc, Quý cư sĩ sẽ thấy tiền nhân mình cũng đã
 ngộ đạo nhiều.

VIII - Quý cư sĩ hỏi một đoạn trong Tâm kinh từ câu
 « sắc tức thị không... cho đến câu ... vô ý thức giới ».
 Tức là : « Sắc bất dị không không bất dị sắc. Sắc tức thị
 không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệt
 phục như thị. Xả lị tử, thị chư pháp không tướng, bất
 sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

« Thị cố không trung vô sắc vô thọ tưởng hành
 thức, Vô nhơn, nhĩ, tị, thiết, thân, ý, Vô sắc, thanh,
 hương, vị, xúc, pháp. Vô nhơn giới; nữ chi vô ý thức
 « giới »... »

« 色不異空, 空不異色, 色卽是空, 空卽是色. 受
 想行識, 亦復如是. 舍利子, 是諸法空相, 不生
 不滅, 不垢不淨, 不增不減, 是故空中無色, 無
 受想行識, 無眼耳鼻舌身意, 無色聲香味觸法,
 無眼界乃至無意識界 »....

Giải : — Đây là đoạn thứ hai trong Bát nhā ba la mật đa tâm kinh, lời Phật dạy ông Xá lị tử đề biên miu nghĩa « ngũ uẩn giai không 五蘊皆空 » là lời đề án của cả bộ kinh ở đoạn trên đoạn này.

1. Sắc bất dị không. — Sắc do không mà sinh ra và thoắt chốc nó đã biến diệt rồi, cho nên trấp trệ mà xem thì tưởng như nó có bản chất, bằng đạt quan mà xét thì trừ cảnh chẳng thấy nó có hình tướng gì nữa. Thế là sắc chẳng khác gì không. Nên nói: Sắc bất dị không.

2. Không bất dị sắc — Do trong chỗ không mà sinh ra sắc, mà sinh ra nhờ mọi duyên. Nếu mọi duyên tụ lại thì gọi là sắc mà mọi duyên tan đi thì gọi là không. Thế là không chẳng khác gì sắc. Nên nói: Không bất dị sắc.

3. Sắc tức thị không — Tướng của sắc là chất giả mà thân của sắc là vốn không, cho nên không phải đợi đến khi sắc ấy tiêu diệt hết mới là không. Thế là sắc tức là không. Nên nói sắc bất dị không.

4. Không tức thị sắc. — Muốn vàn hiện-tượng đều do nơi không mà ra. Lại nếu ta chuyên-chú tâm ta mà quán vào nơi không thì tự thấy được cái bản thể của nơi không ấy. Thế là không tức là sắc. Nên nói: Không tức thị sắc.

Bốn câu này tỏ ra kẻ phàm phu tới khi thấy sắc tiêu diệt hết mới nói là không, chứ bậc ngộ-tát thì thấu triết bao la cả mà biết rằng sắc với không là nhất thể

5. Thụ, tướng, hành, thức, diệp phục như thị. — sắc với thụ, tướng hành, thức, là ngũ uẩn (năm kho chứa) Sắc uẩn đã là không như trên đã nói, thì bốn uẩn sau này cũng lại như thế cả. Nghĩa là cùng là không cả.

6. Xá lị-tử, thị chư sắc không tướng. — Xá lị-tử là tên một vị trong 10 vị đại đệ-tử của Phật (Xá lị

tiếng Phạm, ta gọi con sáo đen, nó có cái mắt đẹp và nhanh. Bà mẹ ông này có cái mắt như mắt nó nên người ta gọi là bà Xá-lị. Ông này là con bà nên gọi tên là Xá-lị-tử, con bà Xá-lị. Kinh này Phật thuyết pháp cho ông Xá-lị-tử nên đầu đoạn này đã gọi đến tên cụ của ông, đây lại nhắc lại từ ý ân-cần dặn bảo. - Hai chữ không tướng đây có bản chép là « tướng không », nghĩa là những tướng của các pháp (các hiện tượng) là không cả. Cũng có nghĩa. Nhưng đây theo các kinh thông hành mà viết là không tướng. Lấy nghĩa là cái không làm bản thể của mọi sắc này tuy hư minh mà có bản thể chứ chẳng phải là trống rỗng, thì nó cũng có tướng được, cả câu này tức là Phật gọi bảo : Ông Xá-lị-tử ơi, cái không tướng của mọi pháp này..»

7) Bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. - Bản thể của không tướng sinh ra mọi pháp nó vốn hằng có hồn-nhiên chân-như, vô thủy vô chung, nên nói : bất sinh bất diệt. Pháp nào đã sinh ra cũng là cấu (bẩn) mà diệt đi mới là tịnh (sạch), cho nên kẻ trấp pháp bèn phân biệt mà cho cái này là cấu cái kia là tịnh, nhưng người giải thoát thì hiểu thấu cả, biết chẳng có cái gì là cấu, cái gì là tịnh, nên nói : bất cấu bất tịnh. - Bản thể của mọi pháp đây đây cả trong pháp giới, khi sắc nào sinh, bản thể ấy không bớt đi, khi sắc nào diệt, bản thể ấy không thêm lên, nên nói : bất tăng bất giảm

8) Thị cố không trung vô sắc, vô thụ, tướng, hành thức. - Vì Ngũ uẩn thường liên can với nhau : Kế thường thấy sắc sinh lòng « thụ lấy » do lòng « thụ lấy » mà sinh vọng tướng, do vọng tướng mà khởi nghiệp hành vị do khởi nghiệp hành vị mà sinh ý-thức ưa ghét, do ý-thức ưa ghét mà tạo ra mọi nghiệp-chúng. Cho nên phải biết trong nơi không vốn chẳng có sắc sắc chỉ là cái huyễn tướng duyên hợp mà thôi, đã chẳng có sắc thì còn làm gì có thụ, tướng, hành,

thức nữa. Biết thế thì tự không tạo ra nghiệp-chúng mà mới thành được chính-giác. Nên nói : Thị cố không trung vô sắc, vô thụ, tướng hành, thức

9. Vô nhõn nhĩ, tị, thiệt, thân ý ; Vô sắc, thanh, hương vị, súc pháp. - Đây là cử đến lục căn, lục trần mà nói cho hiểu ra cái nghĩa đều là không cả, dễ dạy người ta dùng có trấp mê. Lục căn là : Nhõn, nhĩ tị, thiệt, thân ý. Lục trần là sắc, thanh, hương vị, súc, pháp. Trần là cái sở quan, căn là cái năng-quan. Sở quan như sắc mà đã là không thì thanh hương, vị, súc, pháp, còn làm gì có Sở quan đã là không thì năng quan như nhõn còn nên trấp mê về cái sắc gì nữa, và nhĩ tị, thiệt, thân ý, đối với thanh hương, vị, súc, pháp, cũng đều như thế. Thế thì chớ có nên trấp tướng. Nên nói : Vô nhõn nhĩ... vô sắc, thanh, ..pháp.

10. Vô nhõn giới, nãi chí vô ý thức giới. - Đây là cử đến thập bát giới 十八界 mà nói cho hiểu ra cái nghĩa đều là không cả, Thập bát giới là lục căn lục trần và, lục thức. Vì mỗi cái theo một khu vực nên gọi là giới (cõi). Căn với trần đều có tướng dễ nhận giới hạn, còn thức thì cứ từ mỗi căn đến mỗi đối trần (đối tượng) là một cõi, như từ mắt (nhõn) đến chỗ những vật trông thấy là nhõn thức giới. Cõi nhĩ thức giới cho đến ý thức giới cũng như thế. Do căn, trần thức hòa hợp mà gây nên mọi nhân-duyên vọng-tướng. Kể ngu si trấp những cái giả-hợp là thực nên nghiệp-chúng vì đó sinh ra, người trí-giả hiểu đạt đến căn-nguyên không còn chút vọng-niệm nên không hề tạo ra nghiệp-chúng gì nữa, và không còn bị luân-chuyên nữa. Nên nói : vô nhõn giới, nãi chí vô ý thức giới. Hợp lại như sau này :

«...Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc.
« Sắc tức là không, không tức là sắc. Thụ, tướng, hành,
« thức, cũng lại đều như thế.

« Ông Xá-lị-tử ơi, cái không tương của mọi sắc này,
« nó chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng cấu chẳng tịnh, chẳng
« iếng, chẳng giảm chi cả.

« Thế cho nên trong chỗ không kia, không có sắc, không
« có thọ, tưởng, hành, thức.

« Không có nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý. Không có sắc,
« thanh, hương, vị, xúc, pháp

« Không có nhơn giới, cho đến ý thức giới cũng đều
« không có cả ».

Ấy đại lược nghĩa đoạn này trong Tâm-kiêu là thế
Thưa Nguyễn Quý cư-sĩ.

Giải đáp đến đây, chúng tôi nhận thấy Quý cư-sĩ cũng đã
có nhiều công tìm đạo thực, nhưng chỉ vì chưa hội ngộ đờ
thời. Vậy xin nguyện :

Sao cho hợp một nhà,
Cùng tìm lấy thống hệ.
Cho đạo chính-giác này,
Lợi ích giữa thực-lẽ...

ĐUỐC-TUỆ

Ông Sãi Cao-miên

(Bài diễn-văn tại chùa Sơn-thủy Ninh-bình)

Ông Sãi Cao miên, câu chuyện xa lạ mới mẻ này, từ bên
ngoài ngàn dặm, nay đem nói ra bởi một kẻ chưa từng
ngó qua bên kia sông Cửu long giăng, chưa từng bước
chân tới giải đất Tonlésap và Đàng-rek, hơn nữa, đối với
Phật-giáo, dù là Phật-giáo ở ngay trong bản xứ, lại cũng
chỉ là một tin đồn mới vỡ lòng, thế mà dám công nhiên
nói chuyện câu chuyện chưa ai nói bao giờ, chắc liệt vị
thính giả sẽ không khỏi phải hoài nghi, cho là câu chuyện
vô kê, hay một đầu đề lập dị.

Nhưng, thua các Giáo hữu.

Nhờ quê chấp nhật dong dài,

Hãy cho thừa hết một lời đã nao.

Câu chuyện tôi sắp đem hiển các Giáo-hữu đây, thực là nói có sách, mách có chứng.

Nguyên tôi có người anh em, làm việc ở Cao miên, bởi muốn nghiên cứu Phật giáo ở Cao miên, tôi nhân dịp nhờ anh giúp sức. Thì mới đây, anh gửi cho tôi một thiên biên tập về chuyện Ông Sãi, do anh đã phỏng vấn được bởi một ông Sãi biệt hiệu Sáu-Hoa.

Trước khi tôi sắp nói chuyện « Ông Sãi Cao miên » theo lời ông Sãi Sáu Hoa, tôi hãy xin phép cảm ơn ông và xin phép giới thiệu cùng Thánh giả.

Ông Sãi Sáu Hoa người Annam, năm nay trạc 34 tuổi hiện nay đương là thư ký ở mấy nước Nam vang (Phom Pênh), trước khi ông sang Cao miên, từng vào làm Sãi ở một ngôi chùa « Đường-thổ »

Xin phép tạm ngừng, cho được giải nghĩa chữ « Đường-thổ » : Nguyên người đồng bang ta sang ở Cao-miên, quen gọi người bản xứ là người « Đường-thổ », vì gọi họ là « Cao miên » hay là « Mên » thì họ cho là khinh họ, nếu họ hiểu biết tiếng Annam. Chữ « Đường-thổ » đây là gọi theo tiếng quen của người ta ở Cao-miên, chùa « Đường-thổ » tức là chùa Cao-miên vậy:

Ông Sãi Sáu-Hoa tu ở chùa Đường-thổ hơn 7 năm trời, tu theo phái Tiều-thừa, một phái hồ hết các ông Sãi Cao miên tu luyện. Ông Sãi Sáu-Hoa, người lanh lợi, thông minh, nói năng hoạt bát, tinh khí dồi dào, khi người anh em tôi phỏng vấn, ông niềm nở tiếp chuyện, sau khi đã thuật cho nghe ít nhiều tài liệu về Phật giáo, ông lại còn hứa sẽ sẵn lòng trao đổi ý kiến tư tưởng với các Giáo-hữu Phật-hội Bắc-kỳ.

Đó, một người cùng hồn máu đỏ với ta, thông minh vốn sẵn tính trời, lại đã từng đóng vai « Ông Sãi » hơn

7 năm trời, hiện nay còn đương ăn ở tại xứ Cao-miên, hằng ngày xúc tiếp với dân tộc Cao-miên chính là ông Sãi mà lại nói chuyện « Ông Sãi Cao-miên » thì còn gì mà chẳng xác đáng, chẳng tinh tường, tôi cần cứ vào những điều đã phỏng vấn do chính một người anh em tôi hiện đương làm việc ở Cao-miên đã biên lập một cách tỷ mỉ, công phu, đem cống hiến các ngài, thì đâu phải là câu chuyện vô kê, đâu dễ lập dị.

Từ đây trở xuống, tôi xin thuật theo lời phỏng-vấn ông Sãi Sáu-Hoa :

Phật-giáo nhập cảng xứ Cao-miên, không rõ có từ thế kỷ nào, nhưng hiện nay, khắp tỉnh 240 vạn người Mên, đều theo tôn-giáo Thích ca, ta có thể ví nước Cao-miên là nước Ấn-độ thứ hai, nghĩa là một nước toàn tông Phật-giáo.

Ông Sãi là người thay má Phật, là người đã xuất gia đầu Phật, tức như các bậc đạo-sư, Tăng thống của ta. Theo bản tồng kê của chính-phủ Cao-miên, thì những người đi tu làm ông Sãi được trừ sưu, cả thầy có đến 30.000 vị.

Nguyên ở thành phố Nam vang, có chừng 40 ngôi chùa Đường thổ và 7, 8 ngôi chùa của người ta, mỗi chùa ít nhất cũng độ 5 ông Sãi, ông Sãi có nhiều hạng khác nhau :

Ngũ giới, là những cư sĩ « Laique »,

Bát giới, là những cư sĩ « Fidèle »,

Thập giới, là « Novice » như chú tiểu ngoài ta

220 giới, 227 giới là « Bonze » tức là ông Sãi.

Vậy thì « Ông Sãi » là tiếng chung, để chỉ những người đã Qui Phật, nhưng đến bậc « Ông Sãi » như ta gọi Hòa thượng thì phải thụ giới nhiều lắm mới được. 220 giới hay là 227 giới là đã tu đến tột bậc, tuy bấy nhiêu giới là những điều giới thế nào, ta không có thể liệt kê được

nhưng coi đó, ta cũng đủ biết tu đến bậc ông Sãi, thì đã khá nhiều tu luyện công phu.

Phật giáo ở Cao miên, chỉ theo có một phái về tiêu-
thừa ? nhưng trong đó lại chia ra làm hai : Một phái kêu
là Dharmayutta tức là phái của các Hoàng thân. Quý phái :
một phái kêu là Mohanikaya tức là phái Bình-dân. Sở dĩ
có hai phái Quý tộc và Bình dân, không phải là vô
duyên cớ :

Nguyên trước Phật giáo ở Cao miên, chỉ có một phái Bình
dân mà thôi, quý, tiện, hiền, ngu, đều là con cái nhà Phật
cả. Nhưng rồi sau vì giai cấp xã hội, những ông Hoàng
những bà chúa, những công tử, vương tôn, mới chia tách
ra làm hai phái, mục đích không gì hơn là muốn cho
phân biệt, những cánh vàng lá ngọc, phải khác với bọn
người khổ rách áo ôm.

Bởi đã có hai phái khác nhau, cho nên ông Sãi là
người đứng đầu trong hai phái, cũng phải có dấu hiệu
khác nhau : đây hãy xin nói theo luật chung về cách
phục sức, âm thực của các ông Sãi Cao miên, rồi do chỗ
chung mà tìm ra chỗ riêng, sẽ thấy rõ sự phân biệt của
các ông Sãi trong hai phái.

Nói về phục sức của các ông Sãi : Các ông Sãi đều mặc
thứ áo Tam y bằng vải vàng, trên mình có một cái khăn
vải quàng qua ngực : dưới có một cái khăn vải cuốn ngang
hung xuống đến đùi, ngoài quàng một tấm vải rộng xuống
từ vai xuống đến ngang ống chân, ông Sãi nào cũng cũng
có một bộ Tam y ấy thôi, nếu muốn đặt, thì chỉ được
đặt : từ 1 đến 2 là cùng, bao giờ cũng phải giữ lại một tấm
để mặc trong mình khi đặt xong những tấm kia, sẽ
lại thay đổi mà đặt tấm khác. Khi nào rách sẽ có người
tiến cúng, chứ có bộ áo người ta cúng mới được phép
thải áo cũ, chứ các ông Sãi không có quyền được tự mình
may lấy áo hay là may phồng dư.

Những ông Sãi « Novice » tức chú Tiểu, thì mặc áo
hở một tay trái, những ông Sãi « Bonze » tức như

Sư cụ, thì mặc chòm kín. Nhưng đây là những ông Sãi về phái bình-dân, chứ còn những ông Sãi về phái qui-tộc thì từ Novice đến Bonze đều khoác vải kín cả hai tay.

Nói về ẩm thực của các ông Sãi. - Các ông Sãi ở chùa Đường-thổ, không phải nấu cơm ăn mà phải đi xin cơm, họ kêu là « đi làm phước » Lệ thường mỗi buổi sáng, cứ kể từ lúc trống rõ chỉ tay, nghĩa là vào khoảng độ 5 giờ sáng, hễ giờ tay lên trước mặt mà trống rõ những chỉ ở trên gan bàn tay, là được phép ra khỏi chùa để đi xin cơm hay là đi làm phước, trái lại, nếu chưa trống rõ chỉ tay mà đi ra đi là phạm giới.

Các ông Sãi đi xin cơm, không nhất định là đi phương nào cả, tùy ý muốn đi đường nào cũng được, gặp ai cho cái gì phải lấy cái ấy, không được phép lựa chọn, hay là từ chối của một nhà nào.

Các nhà từ-thiện ở Cao-miền, cứ mỗi buổi sáng, họ để một cái chõng hoặc cái bàn con ở trước cửa nhà, trên chõng hoặc bàn có để một phạng cơm hoặc một nồi cá kho, chủ nhân ngồi chờ ở đấy, khi ông Sãi đi qua những chõng ấy, sẽ phải đứng dừng lại, chủ nhân sẽ múc vài thìa cơm và một khúc cá hay món ăn gì đã để sẵn, đổ vào trong cái lãng hoặc cái giỏ của ông Sãi đem theo. Sau khi đã đưa đủ cơm và những món ăn, thì chủ-nhà xụp lại ông Sãi kêu là làm lễ « cúng cơm » lễ tất tại ông Sãi lại xách lãng hay giỏ mà đi đến những nhà kế tiếp.

Ông Sãi cứ lần lượt đi « làm phước » như thế, liệu chừng khi nào đủ ăn thì về chùa. Chỉ được ăn có một bữa trong một ngày thôi, giờ ăn chỉ được từ sáng cho đến đúng Ngọ là cùng, nếu quá Ngọ còn ăn là phạm giới.

Khi các ông Sãi đi xin cơm hay là đi làm phước, ta có thể coi ở cách cử chỉ mà biết được ông Sãi nào về phái qui-tộc, ông Sãi nào về phái bình-dân.

Ông Sãi bình-dân thì mang một cái lãng hoặc giỏ hoặc

nồi, có dây đeo qua vai, để đựng những cơm và các thức ăn của người ta cúng, trái lại ông Sãi qui tộc thì lại bưng bàn tay, bên dưới cái lẵng hoặc giỏ hoặc nồi đều có tấm vải lót, chừa không làm dấy đeo. Áo mặc cũng phân biệt chứ không giống nhau : Ông Sãi bình dân thì quang rồi xoắn lại, dát dầu tẩm vải vào bên lưng, ông Sãi qui tộc thì cũng xoắn nhưng lại buộc thành nút ở cạnh sườn. Cứ coi những cách trên này, thì ông Sãi qui tộc thì hình như cổ y lam của kẻnh càng tề vệ.

Nói về bảo-bối của các ông Sãi : Trừ ra một bộ Tam y, một thứ khí cụ dùng để đựng cơm trong khi đi làm phước, một cái mõ trong khi ở chùa tụng kinh niệm Phật, thì ông Sãi chỉ còn được phép mang theo trong mình :

1 cái ống đựng kim chỉ, 1 con dao cạo, 1 cái bình đựng muối, và thôi.

Kinh Phật tôi chép bằng chữ Pá-li, tụng niệm cũng tụng theo tiếng Pá-li, chữ Pá-li cũng cùng một lối chữ như chữ Cao-miên, chỉ khác ở giọng đọc : mà thôi, kinh chữ Pá-li đối với các ông Sãi Cao-miên, cũng như kinh chữ Hán đối với các vị đạo sư ta, nghĩa là tuy có nhiều người tụng được kinh, mà phần nhiều vẫn không hiểu nghĩa.

Trong phái Tiểu-thừa ở Cao-miên, cả thầy có đến 84.000 pháp môn, chia ra làm :

Luật 21.000, Luận 42.000, Kinh 21.000, toàn bằng thứ chữ Pá-li cả. Hiện nay Đức vua Cao-miên, có lập lên một viện kêu là « Institut Bouddhique », có các ông Đại-sãi (Hòa-thượng) được ăn lương nhà vua, để phiên dịch những kinh sách ra chữ Cao-miên.

Thưa các Giáo hữu, câu chuyện « Ông Sãi Cao miên » đến đây xin tạm ngắt, vì theo cuộc phỏng vấn, chỉ mới có bấy nhiêu. Ông Sãi Sáu Hoa có hứa sẽ giúp thêm khá nhiều tài liệu về Phật giáo Cao miên, lại hứa sẽ gửi tặng cuốn Luật do ông đương phiên dịch tiếng Cao miên ra tiếng Annam mong rằng một ngày kia, trước cửa chùa

này, tôi sẽ lại có dịp được hiển các ngài câu chuyện tiếp theo, nếu ông Sáu Hoa không quên nhớ hừa.

Tiền đây xin mời các Giáo hữu, trở lại câu chuyện Phật giáo nước nhà.

Trên kia đã nói : Cao miên là một xứ toàn tông Phật giáo, có thể ví được là nước Ấn độ thứ hai. Trừ ra câu chuyện ông Sãi, còn cứ chỗ tôi đã được nghe, thì Phật giáo ở Cao miên là một thứ tôn giáo rất phổ thông, phàm là con trai Cao miên, ai cũng phải có một lần đóng vai Ông Sãi, ít nhất là 3 tháng. Những Ông Sãi « chiểu lệ » ấy tức là những cư sĩ Laïque, nên sau khi hoàn tục, thì ai cũng đã hiểu qua về Ngũ giới, là một bài học về luân lý, về hạnh kiểm, chẳng những cần cho phái xuất gia, mà cũng cần cho phái tại gia. Trong người lại ngấm đến ta, tôi thấy có chỗ khác nhau ở xứ ta và xứ Cao miên, ấy chính là chỗ các tăng thống xứ ta với các ông Sãi Cao miên vậy.

Cho được so sánh Tăng thống nước ta với ông Sãi Cao miên, tôi hãy xin phép lược khảo về phái đạo sư bản quốc :

Cứ trong sách « Phật tổ lịch đại thông tài » đã chép thì năm thứ 4 hiệu Vĩnh Bình đời Đông Hán, có vị sư nước Thiên Trúc pháp-danh là Kỳ vực, sang truyền giáo châu Giao-quảng, Giao-quảng tức là địa-danh của nước ta về đời thuộc Hán, năm thứ 4 hiệu Vĩnh-Bình tức là năm thứ 61 theo Dương-lịch, Phật giáo Nam lai từ đấy đến nay đã hơn 1800 năm.

Lại theo trong truyền « Đại đường câu pháp Cao tăng », thì ở Giao châu có một pháp sư là Minh-viễn, đáp thuyền qua Nam hải sang Ấn-độ lấy kinh, đồng thời với Đường Tam-tạng sang Tây trúc, tính theo Dương lịch vào khoảng năm 621.

Lại thế thì, nước ta có Phật giáo kể đã lâu, nước ta có tăng đồ không phải mới, mà Phật học của nước ta, chẳng phải là chẳng được chân truyền từ Tây phương Phật quốc đem sang.

Cũng vì Phật-học nước ta, đặc tự chân truyền, tăng

thống nước ta, giàu công tu luyện, nên trong khoảng Đinh, Lê, Lý, Trần, nước ta đã có bao nhiêu là những bậc cao-lãng xuất hiện, như Khuông-Việt Thái-sư, Định-Hương Trưởng-lão, Lý-khánh-Văn, Từ-đạo-Hạnh, Nguyễn-minh-Không, Dương-giác-Hải và Trúc-Lâm Tam-tổ, đều là những Nhur lai Phật-tổ giáng sinh. Đọc bài thơ ông Thâm-thiền-Kỳ tiến Vô-Ngai Thượng-nhân : « Đại Sĩ sinh Thiên-trúc, phân thân hóa Nhật-vam », thì đủ biết tầng thống của ta không phải là những bậc tầm thường chứ chẳng như các ông Cao-miền chỉ có cái danh « ông Sĩ ».

Thưa các Giáo-hữu, Phật-giáo cũng như các tôn-giáo khác. Tôn-giáo chấn-hưng hay suy đồi, do ở sự truyền-giáo. Truyền giáo được người, tôn-giáo bởi đấy mà phát minh, truyền giáo không được người, tôn-giáo bởi đấy mà mờ tối. Những bậc thầy cả, thầy tu, ông Sư, ông Sĩ, là những người chịu cái trách nhiệm tuyên truyền chủ-nghĩa, phát huy lý thuyết của tôn-giáo, phải là người trí tuệ thông minh, kiến văn học thức, phải là người có tiên-phong, đạo cốt, có nhấn tinh, từ tâm thì mới có thể gánh vác nổi cái trách nhiệm truyền giáo rất mẫu nhiệm, rất khó khăn, mà chủ nghĩa của tôn-giáo, mới có cái cơ trở nên hưng thịnh.

Người ta chỉ biết truyền tụng Phật-giáo về đời Lý đời Trần, là thời kỳ toàn thịnh, mà hồ dễ đã si biết rằng : Phật-giáo đời bấy giờ, sở dĩ được xương-minh, phồn-thịnh là nhờ được có khá nhiều những bậc cao-lãng Đại-đức xuất hiện, như những vị mà tôi đã kể qua.

Nhờ có những vị đại-đức cao-lãng ấy, linh thâm Hán-học, hiểu thấu thiền cơ, đứng chủ trương cảnh Già-lam, làm mô phạm cho tín đồ, đem những lý thuyết cao siêu mẫu nhiệm của đức Thích-ca, giảng minh truyền thụ cho hết thầy mọi người từ xuất-gia cho đến tại-gia, khiến cho ai ai cũng biết từ-bi là báu, bác-ái là trọng, bình-đẳng là quý, bố-thí là hay, ai cũng biết giáo-lý của nhà Phật, có

thè đem ứng dụng hàng ngày, tóm lại là ai ai cũng biết tôn sùng đạo Phật.

Một khi người ta đã biết noi theo con đường đã giác ngộ mà đi, thì cái nguyên liệu làm cho người ta giác ngộ ấy, sẽ một ngày một rõ rệt, gương năng liếc năng sắc, gương năng lau năng sáng. Giáo-lý sẽ do đấy mà thịch hành. Trong Kinh Phật dạy rằng : « Tâm tức Phật, Phật tức tâm », lòng là Phật, Phật là lòng, vì đã hiểu thấu Phật lý, mà ai cũng có Phật tâm, vì ai cũng có Phật tâm, thì trách nào Phật lý chả chấn-hưng một cách bông-bông hội-bội.

Sau này, những bậc đại-đức cao-tăng tinh thâm Phật học, cứ mây bay hạc lánh, dần dần như sao mọc buổi sớm mai, lâu đạo-đức tiếng chuông ai giống, cửa từ-bi hồi trống ai khua, lò mờ trăng nhạt sao thưa, thời kỳ oanh liệt bây giờ còn đâu !

Bạch chư vị Đại-đức, xin các ngài từ mẫn, không phải đến-giả dâm binh phạm, dâm mật-sát, chỉ là muốn bán cho thêm rộng mà thôi.

Vâng, chỉ bởi các bậc đạo-đức bản-quốc hiện thời, không được quan tâm đến nền Phật-giáo, như các bậc cao-tăng đại-đức đời Lý, đời Trần, bình như các ngài nhận nhằm lý thuyết « thanh-tĩnh vô-vi » của đức Thích-ca, các ngài chò là hễ đã xuất-gia đầu Phật, thì nhất thiết là đoạn tuyệt với xã-hội nhân quần, các ngài trụ trì một cảnh chùa nào, phần nhiều chỉ cốt sao cho « sạch cỏ đồ hương », ấy là hết bản phận nhà chùa, chứ không mấy ngài chịu nghiên-cứu về Phật-lý, đem giác ngộ cho người ta, dù các ngài vốn là bậc tinh thâm Phật-giáo.

Thực thế, tôi từng được tiếp chuyện một vài vị, mà là những vị có tư tưởng, có học thức, ở trong phái nhỏ học, nhưng khi nói đến vấn đề chấn-hưng Phật-giáo, thì các vị đó đem ngay những nhời khiêm tốn của các cụ đồ ra, mà từ chối đây đẩy, nào là :

« Bọn xuất-gia chúng tôi, chỉ biết cúng Phật ăn oản,

còn những vấn đề to tát ấy, xin nhường về cư-sĩ các ngài ».

Nào là : Nhà chùa chúng tôi còn có kiến thức gì, mỗi ngày hai buổi chiều mở tụng kinh lễ Phật là đủ bổn phận rồi ».

Có vị lại trả lời gạ lớn bằng giọng văn-chương :

« Đã đem mình bỏ am mây, thân này gửi với cỏ cây
 « cũng vừa, mùi thuyền đã bén muối dưa, áo thuyền ăn
 « mặc đã ưa nàu sồng, việc đời đã tắt lửa lòng ».

Vâng, các ngài xuất gia, cố nhiên là đã tắt lửa lòng, nhưng tắt lửa lòng ở những việc gì, chứ ngay việc chân hương Phật-giáo, mà các ngài cũng tắt lửa lòng, thì ai là người sốt sắn ?

Dở đây mà suy, thì tôi dám chắc rằng : trong phái đạo sư ở nước ta, phần nhiều đối với việc đời bằng con mắt bi-quan, ngay đến việc chính các ngài phải khua chuông gióng mõ, các ngài cũng không muốn dự bàn, ngoài những :

Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,

Hương đèn việc cũ trai phòng quen tay.

Là các ngài không muốn dính dóm đến việc gì ỡa cả.

Phương chi, trong phái đạo sư, phải đâu ai cũng xuất gia từ lúc thành-dỗu, quyết chí trở nên bồ-tát, mà cứ chỗ nào được biết, thì có đęc một nửa là những người đi tu bán thế, bởi bực mình phần chi, hoặc vì danh phận dở dang, hoặc vì tình duyên trắc trở, hoặc là chững bậc anh hùng mặt lộ, mới mượn thủ tiêu giao của Phật, lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa, cũng hoa đàm được tuệ làm duyên. Những vị tăng, ni « phần chi đi tu » ấy, chẳng qua chỉ cốt mượn lá bối phươn mây làm tài liệu giải phiền. Vậy thì cái phái đạo-sư tu theo chủ-nghĩa « Duy ngã » này, tưởng còn kém xa các ông Sài Cao-miên, dù là các ông Sài-tu theo phái Thiền-thừa, mà rất có ảnh hưởng cho nên Phật-giáo của Cao-miên, từ ngũ-giới đến 227 giới.

Đó, cái nguyên-nhân Phật-giáo nước ta gần đây, không được xương-minh phân thịnh, như đời Lý đời Trần, là do

những người có cái trách nhiệm truyền giáo lãnh đạm thờ ơ, đối với Phật-giáo là một giáo lý tinh vi mầu nhiệm mà những người truyền giáo thờ ơ, không mấy ai chịu nghiên cứu, giảng minh, thì những người thụ giáo, còn do đâu mà hiểu thấu, mà « tụng Phật chi ngôn, hành Phật chi hạnh », hèn chi mà Phật-giáo chỉ bước tới con đường u ám.

Ôi, Phật-giáo là một tôn giáo cổ hữu ở xứ ta, người mình noi theo tôn giáo ấy, đã hàng mấy nghìn năm, trải qua một thời kỳ toàn thịnh Lý, Trần : « Thiên-tử làm Sãi, Hoàng-hậu làm Vãi, các công hầu khanh tướng làm Sư », đã dâng cho Phật-giáo nước nhà, có cái lịch sử rất vẻ vang, in sâu trong ký ức mọi người, hồ thành một món cần dùng về dân sinh, nhật dụng, như cơm tẻ trè tươi, dù phong trào mới có đem thêm cho ta những thứ vẫn mình mới mẻ, rực rỡ, như gấm, như hoa, thì cái nền văn minh cũ của ta, cũng không tài nào hỏng được.

Đã không thể bỏ, thì lẽ cố nhiên là phải giữ. Nhưng việc đời, vô tiến tặc thoái, một khi đã chịu thoái, thì sẽ có một ngày bị đao thái, đó là luật thiên diển, mà cũng chính là thuyết tuần hoàn của Phật-giáo.

Cho được giữ lấy nền Phật-giáo, là tôn giáo cổ-hữu của ta là nền văn minh cũ, có thể coi làm quốc-hồn, quốc-túy của ta, phải thử nào cho phương tiện ?

Như trên tôi đã nói, về ban đạo sư, là những người có cái trách nhiệm truyền giáo, đã không mấy ai chịu lưu tâm đến, thì thế tất người trong xứ, ai cũng là con cái Phật, đều phải ghé vai gánh vác, bởi đây mà Bắc-kỳ ta mới có hội « Phật-giáo chấn-hưng ».

Mục-dịch của hội Chấn-hưng Phật-giáo, các giáo-hữu ta đều đã rõ, tôi không cần phải thuật từ. Nay nhân ngày Phật-dẫn tôi có cái vinh hạnh được hầu chuyện các ngài, từ câu chuyện ông Sãi Cao-miền, sang câu chuyện lăng-thống nước nhà, tôi chỉ xin đem quan-niệm về tiền-trình của Phật-giáo nói phỏng bàn qua, giữa ông Sãi (Cao-

miền) với ông Sư (Bắc kỳ) đều là những người trọng Phật-pháp, chủ trương các cánh triển-giã, là ông thầy cả, là vị mục-sư của các tín đồ, tôi dám mong các ngài thể lòng lân mẫn chúng sinh, của Phật-lữ Như-lai, mà lưu tâm đến nền Phật-học dù phái Tiểu-thừa hay phái Đại-thừa, để giúp cho hội Chấn-hưng Phật-giáo của Bắc-kỳ và viện Institut Bouddhique của chính-phủ Cao-miên, được có cái kết-quả mỹ mãn tốt tươi, cho nền Phật-giáo ở Viễn-đông trở lên một tôn-giáo cường thịnh trên hoàn-cầu, thực là công đức vô-lượng, phúc đặng bá sa...

Đình-Gia-Thuyết

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin dâng phượng danh các vị hội viên chi hội. Từ-Sơn (tiếp theo) đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín, thập-phương chứng giám.

Đỗ thị Đạt, Phan hữu Nghĩa, Đoàn đình Thu, Nguyễn văn Đào, Nguyễn văn Chấn, Nguyễn ngọc Bằng, Nguyễn văn Ngân, Nguyễn văn Thủy, Nguyễn văn Dân, Dương văn Thước, Nguyễn văn Hột, Nguyễn thị Thuỳên, Nguyễn thị Đới, Nguyễn hữu Đăng, Nguyễn thị Diệm, Nguyễn tất Thông Đào văn Đình, Đào văn Tuyền, Trần thị Phi, Nguyễn xuân Hoảng, Nguyễn văn Cán, Nguyễn đảng Tiểu. Nguyễn đắc Ngoan, Nguyễn đắc Chấn, Nguyễn thương Khaog, Nguyễn văn Đê, Nguyễn văn Nhu, Lê thị Viên. Nguyễn đức Trạch, Nguyễn văn Tiến, Lê văn Đăng, Nguyễn văn Quý, Nguyễn văn Quách, Đặng văn Chính, Nguyễn văn Phùng, Dương thị Bình, Trần thị Thìn, Các Vãi, Phạm thị Á, Nguyễn thị Hai, Trần đắc Tôn, Nguyễn phụ Lai, Nguyễn danh Hàn, Nguyễn phụ Noãn, Nguyễn thị Lý. (còn nữa)

TÂY-VỰC KÝ

(tiếp theo)

Ở giữa có một tòa kim-cương, hồi đầu hiên kiếp cùng quả đất cùng nổi lên, đứng vào giữa 3000 thế giới lớn, dưới xuất kim-luân, trên ngang mặt đất toàn chất kim-cương đúc nên, chu vi hơn 100 bước.

Sở gọi là « Kim-cương » là lấy cái tính bền rắn khó nát lại hay phá tan các vật. Nếu không y theo chỗ chính của nó, thì đất không đứng vững được, nếu không lấy kim-cương làm tòa, thì không có chỗ tu cho này ra phần kim-cương định được. Muốn hàng phục tà ma, tu thành đạo lớn, tất phải ở chỗ đó nếu ở chỗ khác thì đất nghiêng đổ mất, cho nên ngàn Phật đời Hiên-kiếp, đều tới chỗ đó mà ngồi tu.

Lại như chỗ tu thành đạo, cũng gọi là « đạo tràng ». Cõi đời nghiêng lệch, chỉ có chỗ ấy không động, 2, 300 năm nay, chúng sinh phước bạc, đến cây bồ-đề, không trông thấy tòa Kim-cương. Sau khi Phật vào cõi Niết-bàn rồi, vua các nước rước 2 pho tượng ngài Quán-tự-lại để cắm mốc hai mặt Tây Nam, ngồi ngoảnh về phía đông. Tương truyền rằng: « Hễ tượng Bồ-tát chìm lấp thì Phật pháp tiêu diệt hết ». Nay tượng Bồ-tát đã sụt xuống đến ngực rồi.

Cây Bồ-đề tức là cây Ty bát la, khi Phật còn ở đời thì nó cao đến 2, 300 thước. Sau bị nhiều vua tàn bạo tàn phá mãi, bây giờ chỉ còn cao độ hơn 5 tượng thôi. Vì Phật ngồi dưới gốc cây này mà tu thành đạo, nên gọi là cây « bồ-đề ». Cây ấy dù nó vàng phớt, cành lá xanh mướt, mùa thu mùa đông cũng vẫn xanh. Chỉ đến ngày đức Như-lai vào Niết-bàn, thì rụng hết lá. Qua đêm ấy, hôm sau lại tốt như thường. Hằng năm cứ đến ngày ấy, vua các nước và các quaa cùng đến họp cả ở dưới gốc cây, lấy sữa tưới cho cây, rồi thắp đèn rắc hoa nhứt lá đem về.

Pháp-sư đến lễ cây bồ-đề, rồi đến trước tượng « đức Như-lai thành đạo » của Từ-thị Bồ-tát tạc nên, chỉ thành

chiêm ngưỡng, lấy rạp xuống đất, thương xót nẻo nùng mà than thở rằng :

— Khi Phật thành đạo, không biết chồi rat vào ngã nào. Bấy giờ là hồi cuối tượng pháp, mới được đến đây, nghiệp chướng chồi chẳng, sao mà nặng nề đến như thế.

Vừa than vừa khóc, nước mắt đầm đìa. Bấy giờ là lúc chur tăng tán hạ, xa gần đến vắng cảnh, đông đến mấy ngàn người, ai trông thấy Pháp sư cũng phải cảm động.

Cách đó một do tuần (3,40 dặm) thành tích đầy rẫy, lưu lại 8, 9 ngày mới lễ khắp lượt. Đến ngày thứ 10, chùa Na-lạn-đa sai 4 vị đại-đức lại đón, Pháp-sư cùng đi, đó bảy do tuần thì đến chại chùa. Chại ấy tức là chỗ Mục-liên tôn-giả sinh ở đấy. Đến chại thực hai, một lát lại có hơn 200 vị sư và hơn 1000 đàn tín đem chàng phan, bảo cái, hương, hoa lại đón xúm xít tán thán, rước về chùa Na-lạn-đa. Khi đến nơi, đại chúng đều ra đón tiếp, Pháp-sư đều đáp lễ khắp cả. Các sư đặt riêng một ghế ở đầu ghế thượng tọa mời Pháp-sư ngồi, đại chúng cũng cùng ngồi. Ngồi yên lâu đấy, vị Duy-nhà đánh kiệu chùy xuống to lên rằng :

— Nay Pháp sư đến ở chùa này, thì hết thầy các đồ đạo pháp và các vật dụng của hết thầy chur tăng trong chùa này đều là của chung cả.

Đoạn lại sai 20 người vào chạc đã đứng tuổi mà đã thông hiểu kinh luật, uy nghi tề chỉnh, để đưa Pháp-sư vào xam ngài Chính pháp tạng, tức là ngài Giới-hiền Pháp sư vậy. Vì chúng cùng tôn trọng cho nên không dám gọi tên mà gọi là Chính-pháp-tạng. Pháp sư theo chúng vào yết kiến, đến nơi lấy lễ bày trò, phải bết lòng kính y theo nghi lễ bên ấy, quý xuống bò vào, lễ rạp đầu xuống chân, mà thăm hỏi tán thán. Làm lễ xong, ngài Pháp-tạng sai kẻ nhiều ghế, cho Pháp-sư và chur tăng cùng ngồi. Ngồi

yên chỗ, ngài Pháp-tạng hỏi :

- Pháp-sur ở đâu tới ?

Pháp-sur thưa rằng :

- Ở nước Chi-na đến, muốn quy y thầy để học luận Du-già.

Ngài nghe đoạn sụt sịt khóc, gọi đệ tử là Phật Đà-bạt đà-la, (Tàu dịch là Giác hiền) tức là cháu ngài Pháp-tạng, tuổi đã ngoài 70, học thông khắp Kinh Luận, có tài dăng diễn. Ngài Pháp-tạng bảo rằng :

- Người nhắc lại cái nhân duyên bệnh não của ta về ba năm trước đây cho chúng nghe.

Ngài Giác-hiền nghe đoạn, gạt nước mắt mà kể rằng :

- « Năm xưa Hòa-thượng mắc bệnh phong, mỗi khi phát lên thì chân tay co quắp, đau như lửa đốt dao đâm, lúc phát lúc khỏi, hơn 20 năm. Ba năm trước đây, lại càng đau lắm, ngài chán ngán cái thân toan bỏ ẩn cho song kiếp, một đêm mơ thấy 3 vị : 1 vị sắc như vàng ròng, 1 vị sắc như ngọc lưu-ly, 1 vị trắng như bạc, hình dáng đoan trang, dáng bộ khác thường lại hỏi Hòa-thượng rằng :

- « Người muốn bỏ cái thân ấy đi ư ? Trong kinh nói : « có thân là có khổ, không được chán cái thân ». Về kiếp quá khứ kia, người đã từng làm vua một nước lớn, vì hay làm khổ não chúng-sinh cho nên phải chịu cái báo này. Nay nên xét đến lỗi xưa, chí thành sám hối, nhận được sự khổ, chừa dăng kinh luận, tự khắc khổ nó tiêu diệt hết. Nếu chỉ chán bỏ cái thân, thì không bao giờ hết sự khổ não.

Hòa-thượng nghe đoạn, chí thành lễ tạ. Vị sắc như vàng chỉ vào vị như ngọc mà bảo Hòa-thượng rằng :

- Vị này là ngài Quán tự-tại bồ-tát, người có biết không ?

Đoạn lại chỉ vào vị như bạc mà bảo rằng :

- Vị này là ngài Từ-thị bồ-tát đó.

Hòa-thượng lại đích lễ ngài Từ-thị mà hỏi rằng :
 — Con thường nguyện xin sinh lên chỗ ngài, không biết có được không ?

Ngài Từ-thị nói :

— Người cứ ra công tuyên truyền chính pháp, sau sẽ được sinh lên đấy ! Vì sắc vàng lại tự nói rằng :

— Ta đây là Mạn-thù thất-lợi bồ-tát. Ta thấy người định bỏ hoại cái thân không chịu làm sự lợi ích, cho nên ta lại đây khuyên người, người nên y theo lời ta, gắng sức tuyên dương chính-pháp, sao cho các bộ như « Du-già luận » khắp tới những kẻ chưa được nghe thì thân người tự khắc yên ổn, đừng lo không được như lời đầu. Nay mai sẽ có 1 nhà sư bên Chi-na, muốn hiến thông pháp lớn, định đến học nhà người, người nên đợi chờ mà dạy người ta.

Ngài Pháp-tạng nghe đoạn, đích lễ thưa rằng :

— « Con xin kính vâng lời chỉ-tôn chỉ bảo.

Nói đoạn thì không thấy nữa. Từ đó tới nay, Hòa-thượng dần dần khỏi bệnh ».

Chư-tăng nghe nói, ai nấy đều than thở là sự hiếm có. Pháp-sư được nghe rõ nhân duyên, biết mình đã có túc duyên ghi trước, vừa thương vừa mừng khôn xiết, liền lập tạ thưa rằng : « Huyền trang con xin hết sức vâng theo học tập, xin tôn-sư từ bi nhiếp thụ dạy bảo cho ». Ngài Pháp-tạng lại hỏi Pháp-sư rằng :

— Thế người đi đường đã mấy năm nay ? Pháp-sư thưa :

— Vừa đúng ba năm, thiết đúng với lời mộng kí, cúi xin Tôn-sư hoan hỉ cho con tỏ tình thầy trò.

Nói đoạn từ ra, đến viện Ấu-nhật-vương thu xếp hành trang, rồi vào ở lầu gác thứ tư cùng phòng ngài Giác-Hiền, cúng dàng 7 ngày, đoạn lại giốn lên phòng trên ở phía Bắc phòng Hộ-pháp Bồ-tát, được thêm các thức cúng dàng, mỗi ngày được 12) quả dấm-bộ-la, 20 quả cau, 20 quả đậu khấu, 1 lượng long não hương, 1 thưng gạo « đại-nhân ».

(còn nữa)

GIẢNG KINH THẬP-THIỆN

(tiếp theo và hết)

常 無 迷 妄, 寂 然 調 順.
thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận,

thường không mê sáng, lặng vậy hòa thuận,
thường không mê sáng, lặng yên hòa thuận,

斷 諸 煩 惱, 力 莊 嚴 故.

đoạn chư phiền não, lực trang nghiêm cố,

rút mọi phiền buồn, sức kính nghiêm cố
rút mọi phiền não, vì lấy ngũ hữ trang nghiêm,

眾 怨 盡 滅, 無 能 壞 者
chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả,

mọi oán hết giết, không hay nát ấy.
mọi sự oán giết hết, không hay phá hoại ấy.

覺 支 莊 嚴 故, 常 善 覺

giác chi trang nghiêm cố thường thiện giác

biết chi kính nghiêm cố, thường lành biết
vì lấy thất giác chi trang nghiêm, thường khéo

悟 一 切 諸 法, 正 道 莊

ngộ, nhất thiết chư pháp, chính đạo trang

tỏ, một thiết mọi phép, ngay đạo kính
biết tỏ, hết thầy mọi phép, vì lấy bát chính đạo

嚴 故, 得 正 智 慧, 常 現

ng nghiêm cố, đắc chính trí tuệ thường hiện

ng nghiêm cố, được ngay khôn sáng, thường hiện
trang nghiêm, được trí tuệ chân chính, thường hiện

在 前, 止 莊 嚴 故, 悉 罷

tại tiền, chỉ trang nghiêm cố tất năng

ở trước, dừng kính nghiêm cố, hết hay
ở trước, vì lấy phép chỉ trang nghiêm, hết hay

滌 除, 一 切 結 使, 觀 莊

địch trừ nhất thiết kết sử, quán trang

rửa trừ, một thiết kết khiến, xem kính

rửa sạch hết thầy kết sử, vì lấy phép quán trang

嚴 故 能 如 實 知 諸 法
nghiêm cố, năng như thực tri chư pháp
 nghiêm cố, hay bằng thực biết mọi phép
 nghiêm, hay biết đúng cái tự tính của mọi
 自 性 方 便 莊 嚴 故 速
tự tính phương tiện trang nghiêm cố tốc
 từ tính, vuông tiện kính nghiêm cố, chóng
 phép, vì lấy phương tiện trang nghiêm, tróng
 得 成 滿 爲 無 爲 樂
đắc thành mãn vi vô vi lạc.
 được đầy đủ, làm không làm vui,
 được nên đầy cái thú vô vi.

3- Ba mươi bảy phép bồ-đề phạm : Lấy phép niệm trang nghiêm nên khéo tu được phép tứ niệm xứ quán ; Lấy chính cần trang nghiêm, nên trừ sạch được hết mọi phép bất thiện, về thành liết thầy phép thiện ; Lấy phép thần-túc trang nghiêm nên thường khiến cho thân tâm nhẹ nhàng vui thích ; Lấy phép ngũ căn trang nghiêm, nên tin sâu bền chắc chăm chỉ tinh tiến không lùi, thường không mê lằm, lạng yên điều hòa, trừ sạch phiền não ; Lấy phép ngũ-lực trang nghiêm nên bao kẻ oán đều tiêu tan hết, không ai phá hoại được ; Lấy phép giác tri trang nghiêm, nên thường tài giác ngộ hết thầy mọi phép ; Lấy chính đạo trang nghiêm, nên được phần trí tuệ chân chính, thường hiện trước mình ; Lấy phép chỉ trang nghiêm, nên rửa sạch được hết các cái kết sử ; Lấy phép quán trang nghiêm, nên hiểu hết được đúng tự-tính của mọi pháp ; Lấy phép phương tiện trang nghiêm, nên mau được viên mãn cái quả sướng hữu vi và vô vi, (cả phần tướng và cả phần lý).

(Ba mươi bảy bồ-đề phạm, cũng gọi là 37 trợ đạo phẩm, tức là tứ niệm xứ, 1 quán thân mình như bần ; 2 quán phần nhận lấy vào mình là khổ, 3 quán cái tâm không có thường ; 4 quán mọi pháp không có pháp nào là của ta. Và Tứ chánh cần : 1 ác đã sinh ra rồi phải đoạn diệt ngay, 2 ác chưa sinh ra phải phòng cho khỏi sinh ; thiện chưa sinh ra làm cho mau sinh ra, thiện đã sinh rồi phải làm cho lớn thêm mãi lên.

Từ thần túc : 1 dục (muốn tới cõi trang nghiêm ; 2 Niệm, chuyên nghĩ cảnh trang nghiêm ; 3 tinh tiến ; 4 nghĩ ngợi, làm được bốn phép này thì muốn sao được vậy, lại có sức thần thông, cho nên gọi là thần túc. Ngũ căn : 1 Tín, 2 tinh tiến 3 4 chính niệm, yên định, 5 trí tuệ. Ngũ lực : do ngũ căn tu thành lực lượng, ngũ căn là phần tu-tiến, ngũ lực là phần đối trị. Thất giác chi : 1 Trạch pháp (khéo chọn đúng phép) 2 Tinh tiến, 3 hỷ (mừng chứng được pháp) 4 Trì (trì sạch phiền não) 5 Xả (bỏ được cái cảnh sở kiến) 6 Định, 7 Niệm. Bát chánh đạo : 1 chính kiến (thấy rõ chính đạo) 2 Chính tư duy, nghĩ ngợi chính pháp ; 3 Chính ngữ, nói lời chính đính ; 4 Chính nghiệp làm nghiệp chính đính ; 5 Chính mạng, giữ mình chính đính ; 6 Chính tinh tiến : tinh tiến làm đạo chính ; 7 Chính niệm : chuyên nghĩ chính pháp ; 8 Chính định : yên định ở nơi chính lý.

E TỔNG KẾT

龍王當知, 此十善業.
long vương đương chi, thử thập thiện nghiệp.
 rồng vua nên biết, ấy mười lành nghiệp,
 long vương nên biết, mười nghiệp lành ấy,
 乃至能令, 十力無畏.
nãi chí năng linh, thập lực vô úy.
 bền đến hay khiến, mười sức không sợ,
 cho đến hay khiến, mười sức không sợ,
 十八不共, 一切佛法.
thập bát bất cộng, nhất thiết Phật pháp.
 mười tám chẳng cùng, một thiết Phật pháp,
 mười tám phép chẳng cùng, hết thầy phép Phật,
 皆得圓滿, 是故汝等.
giai đắc viên mãn, thị cố nhữ đẳng.
 đều được tròn đầy, ấy nên may mắn,
 đều được đầy đủ, thế cho nên các người,
 應勤修學.
ưng cần tu học.
 nên siêng sửa học.
 nên chăm tu học.

Này Long-vương! ông nên biết, mười nghiệp thiện ấy, có thể làm cho ta tu được đầy đủ mười sức vô úy (1), mười tám phép bất cộng (2) và hết thảy các phép Phật nữa, cho nên các ông phải chăm tu học.

龍	王!	譬	如	一	切,	城	邑	
long	vương	!	thí	như	nhất	thiết,	thành	ấp
rồng	vua	ví	bằng	một	thiết	thành	ấp	
long	vương	!	ví	như	hết	thầy	thành	ấp
聚	落,	皆	依	大	地,	而	得	
tụ	lạc	giai	ý	đại	địa,	nhĩ	đắc	
hợp	rụng,	đều	mừng	lớn	đất,	mà	được	
tụ	lạc,	đều	mừng	đất	lớn	mà	được	

(1) Mười sức vô úy : 1 Sức biết chỗ phải và chỗ không phải (tỏ nhân quả), 2 Sức biết nghiệp báo quá khứ hiện tại vị lai ; 3 Sức biết lời chớ chừa định trong mọi phép thuyền định giải thoát ; 4 Sức biết căn linh hơn kém ; 5 Sức hiểu hết ý muốn của chúng sinh ; 6 Sức biết hết loài giống giới hạn của chúng sinh ; 7 Sức biết được đến cùng cực chỗ kết quả của phép thiện và bất thiện, 8 Sức mắt trời thấu suốt không gì trở ngại ; 9 Sức biết hết việc các kiếp trước ; 10 Sức biết lời chớ chán tri, trừ sạch hẳn các tập quen.

(2) Mười tám phép bất cộng : 1 Thân không phiền não ; 2 Mệnh nói không sai, 3 Nghĩ không loạn ; 4 Không mỗi tướng nhảm ; 5 Tâm lúc nào cũng yên định ; 6 Phép gì đã bỏ đi đều đáng cả ; 7 Lòng muốn cứu chúng sinh không bao giờ suy kém ; 8 Tinh tiến không hề lui ; 9 Niệm không giảm ; 10 Trí tuệ không suy sút ; 11 Giải thoát vĩnh viễn, 12 Giải thoát tri kiến hẳn hoi ; 13 Thân nghiệp làm theo với trí tuệ ; 14 Khẩu nghiệp nói theo với trí tuệ ; 15 Ý nghiệp nghĩ theo với trí tuệ ; 16 Có trí tuệ biết suốt sự đã qua ; 17 Có trí tuệ biết suốt đời vị lai ; 18 Có trí tuệ biết suốt đời hiện tại)

安住, 一切藥草, 卉木
 an trụ, nhất thiết dược thảo, hủi mộc
 yên ở, một thiết thuốc cỏ, cây - cỏ gỗ
 ở yên, hết thầy thuốc cỏ, cây cối
 叢林, 亦依地而得生
 tủng lâm, diệc y địa nhi đắc sinh
 bụi rừng, cũng nương đất mà được sống
 rừng rậm, cũng nương đất được sinh
 長, 此十善道, 亦復如
 trưởng, thử thập thiện đạo, diệc phục như
 lớn, ấy mười lành đường, cũng lại bằng
 lớn, đạo tu mười điều thiện này, cũng lại
 是, 一切人天, 依之而
 thị, nhất thiết nhân thiên, y chi nhi
 ấy, một thiết người trời, nương đây mà
 như thế, hết thầy trời người, nương đây mà
 立, 一切聲聞, 覺菩
 lập, nhất thiết thanh văn độc giác bồ
 dựng một thiết tiếng nghe một biết bồ
 dựng nên, hết thầy các đạo giác của thanh văn
 提諸菩薩行, 一切佛
 đề chư bồ tát hạnh, nhất thiết Phật
 đề mọi bồ tát nết, một thiết Phật
 độc giác, các hạnh bồ tát, hết thầy Phật
 法, 咸共依此十善大
 pháp hàm cộng y thử thập thiện đại
 phép, đều cùng nương ấy, mười lành lớn
 pháp, đều cùng nương quả đất lớn thập thiện
 地, 而得成就
 địa, nhi đắc thành tựu.
 đất mà được nên lời.
 ấy, mà được thành lời.

Này Long vương ! ví như hết thầy thành ấp làng xóm, đều nương vào quả đất mới được ở yên, hết thầy cây cỏ hoa thuốc rừng rậm, cũng nương đất ấy mà được sinh trưởng, mười nghiệp thiện này cũng như thế đó, hết thầy nhân thiên, đều

mương vào đó mà thành lập, hết thầy đạo giáo của Thanh-van dạy giáo, các hạnh bồ-tát, cho đến hết thầy các phép Phật cũng đều mương vào quả đất thập-thiện ấy mà được viên thành cả.

CHƯƠNG THỨ BA

LƯU THÔNG

佛	說	此	經	已	婆	竭	羅
Phật	nói	ấy	kinh	rồi	sa	kiệt	la
Phật	nói	song	kinh	này	rồi	sa	kiệt
佛	王	及	隨	大	眾	一	切
long	vương	cập	chủ	dại	chúng	nhất	thiết
rồng	vua,	kip	mọi	lớn	lũ	một	thiết
long	vương,	kip	mọi	dại	chúng,	hết	thầy
世	間	天	人	阿	修	羅	寺
thế	gian,	thiên	nhân	a	tu,	la	dăng.
đời	khoảng,	trời	người	a	tu	la	lũ
các	hàng	thế	gian.	trời	người	a,	tu
皆	大	歡	喜	信	受	奉	行
giai	dại	hoan	hỉ	tín	thụ	phụng	hành.
đều	lớn	vui	mừng	tín	chịu	vàng	lâm.
đều	cả	vui	mừng,	tín	chịu	vàng	lâm.

Phật nói song kinh này rồi, Sa-kiệt-la long vương và cả đại chúng, cùng hết thầy các bậc thế gian nhân thiên a-tu-la, đều rất vui vẻ tin chịu vàng lâm.

(Mấy câu này là lời văn của người biên tập kinh ghi lại Sa-kiệt-la long vương là vai chủ nghe pháp trong hội này. A-tu-la là một bộ trong tám bộ. Đều rất vui vẻ, tin chịu vàng lâm, là lời Phật dạy hết thầy các kinh đều kết luận như thế, để tiêu rõ ràng Phật nói pháp, khác hẳn những lời nói nhảm của kẻ phàm phu, nói đó rồi thôi, cho nên cần phải y theo lời dạy mà vàng lâm. Song, những người nghe pháp, cần phải mở lòng vui vẻ, rồi mới nầy ra lòng tin, có lòng tin rồi mới lĩnh thụ được, lĩnh thụ rồi mới vàng theo mà thực hành được. Mấy chữ vui vẻ tin chịu vàng lâm ấy, là để cho ai nấy đều phải chú ý đó).

Nhà Phật-học nước Mỹ nói về đạo Phật Trung-quốc

(tiếp theo số 90)

III. — HỒI PHẬT-GIÁO MỚI TRUYỀN VÀO NƯỚC TÁU

Muốn biết Phật giáo truyền vào nước Tầu mới từ lúc nào, chỗ nào thì vẫn không tìm được chứng cứ gì là đích xác. Nay tra ở một chỗ ghi chép trước nhất (sách kinh lục của Chu sĩ Hành) thì nói trước Tây lịch năm thứ 217 (Tức năm Tần Thủy hoàng thứ 30), có một bọn 18 thầy xa môa người Tây vực là Thích Ly phông 釋利防 bắt đầu đem kinh Phật vào đất Hàm dương. Ý giả bấy giờ đã có đường ở Tầu sang Tây vực cho nên bọn lái buôn nhân vận tải hàng hóa mà kiêm thâu thái cả văn hóa thì cũng có lẽ.

Đến khi nhà Hán nổi lên, có lẽ lại muốn nhờ Phật giáo để giúp cho ngôi vua bền vững, bởi vậy trước tây lịch năm 60 (tức là năm Vĩnh bình thứ ba lên Minh đế) Vua Minh đế đêm nằm mộng thấy một người bằng vàng, trên đầu hào quang sáng trắng, bay vào sân đền nhà vua. Đời gọi là cái điềm « mộng Phật ». Nhưng nay xét ra thì cái mộng ấy không phải bằng vàng mà có, trước khi Minh đế chưa nằm thấy mộng ấy, trong lòng nhà vua đã có cái tưởng tượng ấy rồi, nghĩa là lúc ấy hoặc đã có tượng Phật kim Phật lưu hành vào Trung quốc rồi. Không thì mới thoát nằm mộng thấy người bằng vàng một lần sao đã biết người bằng vàng ấy là Phật. Phương chi trước tây lịch năm 121 (tức là năm Nguyên phù thứ hai Hán Vũ đế) đội quân viễn chinh sang đánh Tây vực đã lấy được một pho tượng người bằng vàng đưa về. Việc ấy còn chép ở trong sử sách (tức là sách Thích Lão chí đời Ngụy). Vậy thì cái mộng ấy đích không phải là không có duyên cớ.

Minh-đế đã cảm vì mộng-triệu như thế, bèn sai 18 người đi sang phương tây để rước đạo Phật về. Bọn sư

giả ấy gặp được ông Ca-diếp Ma-đăng (Kasyapa Matanga) và ông Chúc pháp lan (Gobharana) ở nước Vu điền (Khotan) đưa về Tàu, đó là việc sau Tây lịch năm 65 (Tức là năm Vĩnh bình thứ 8 đời Minh đế).

Hai nhà sư sang Tàu chuyến này, có hiệu quả tốt lắm cho Phật-giáo, Bởi là lúc hai nhà sư này chưa đến đất Tàu thì ở đây đã có cái cơ duyên có thể truyền bá đạo Phật được rồi mà nó đưa đường cho hai nhà sư chẳng.

Hai nhà sư ấy đều là người Trung Thiên chúc đi sang Tàu, đến năm Tây lịch 67 mới đến đất Lạc-dương (Năm Vĩnh bình thứ 10). Cuốn sách nhỏ mà hai nhà sư ấy bắt đầu dịch ra và còn lưu truyền đến nay là một thứ sách chuyên dạy dỗ kèm cặp về đức hạnh. Cho nên bấy giờ hai nhà Nho và Lão thấy sách ấy mà vẫn không lấy làm một thứ sách lạ đời đáng kinh hãi (kinh Tứ thập nhị chương). Song sách ấy chính là kinh điển của cả phái Đại thặng, Tiểu thặng trong Phật-giáo đều tuân theo vậy.

Lạc dương là đất danh đó tự cổ, nhà Đông Hán khởi phục được nghiệp xưa bèn thiên đô đóng ở đất ấy. Đất ấy lại là nơi trung tâm diễm về văn hóa. Hai vị tăng ấy đến ở đất Lạc dương, được chơi bời đi lại với các nhà danh sĩ và được nhà vua tôn quý. Thì sau khi trải bước phong trần, đường trường vất vả, nay cắm gậy tầm sách lại một nơi danh đó, được thưởng thức những cảnh hồ sơn sinh đẹp ấy, tưởng hai vị tăng cũng đủ phụ lòng.

Từ đó hai nhà sư yên tâm chuyên việc dịch thuật. Cuốn sách dịch ra buổi ban đầu thích hợp với tâm lý người Tàu, thì biết hai ông đã phí nhiều khổ tâm lắm. Sách ấy hiện nay học giả vẫn còn lấy làm quý báu. Tức là Kinh Tứ thập nhị chương đó.

Theo lời tương truyền trong sách cổ, nói rằng về những giáo nghĩa cao thâm trong đạo Phật, hai vị cố sức nên bỏ lại không muốn diễn dịch ra nhiều. Chỉ cầu cho quyền kinh ấy được lưu thông cho đời ấy là hai vị đủ mãn nguyện mà thôi. Xem quyền kinh ấy dường như trích lấy

một đoạn ở trong bộ kinh lớn Tào đề ứng phó cho sự yêu cầu cần thiết của kẻ hỏi đạo mà thôi. Cách dịch theo thể tài sách Nho mà dụng công khéo lắm, tức là cứ đầu mỗi chương lại đặt hai chữ « Phật ngôn 佛言 Phật nói rằng » lên trên, đó là bắt chước cái lệ « Tử viết 子曰 Tánh nói rằng » của sách Luận ngữ vậy. Còn như cái học luận biện trong Phật giáo thì đều chưa dịch thuật ra được một lời nào cả.

III — Kinh Tứ thập nhị chương 四十二章經

Kinh này khởi đầu nói về cái duyên do hóa độ của Đức Thích ca. Rồi nói đến 250 giới của bậc xa-môn 沙門, 4 thành quả của bậc Thanh-văn 聲聞 và 10 điều thiện của chúng sinh. Sau nói đến đức từ nhĩa, hơi giống với nghĩa của đạo gia. Sau nữa nói : *Kẻ ác làm hại người hiền đức cũng như kẻ ngựa mất nhõ bọ lên trời, bọ chưa lên đến trời thì đã rơi xuống mình ngay* ». Sau nữa nói cách khó khăn của sự học đạo, một phải tịnh tâm giữ chí mới có thể hiểu được đạo chính. Sau nữa nói : *Nhẫn nhục có nhiều sức mạnh. Diệt hết được cái cấu nhiễm trong tâm cho sạch sẽ không chút như bần gì, thì tự được sáng láng ra*. Sau nữa nói : *Người ta chỉ vì ái (yêu) với dục (muốn) nó làm lộn bậy trong tâm khiến cho tâm vẫn dục lên mà không thấy được đạo, vậy phải xả ái với dục kia đi*. Lại sau nữa nói : *Người ta bị giam cầm vì vợ con của nhà lại còn tệ hơn là bị giam cầm ở trong lao ngục. Dầu có cạm nọ trước miệng hùm thì lòng kẻ bị giam kia cũng cam chịu lấy. Cho nên gọi là kẻ phạm phu*.

Thuyết « gia ngục 家獄 » này vốn chỉ là lời nói thường về nghĩa xuất thế của đạo Phật. Kinh này đã lựa dịch và dịch một cách giữ gìn cẩn thận như thế mà vẫn không khỏi biểu lộ cái nghĩa gia ngục ấy ra trong lời nói. Cứ như thế mà đem truyền bá ra ở nước Tàu là một nơi đề xướng lên đạo hiểu thì bị phản đối lại cũng không lấy gì làm quái lạ. Cho nên về đoạn cuối kinh này dường

như dịch giả đã tránh khỏi lời phê bình về nghĩa trên ấy nên mới biểu yết thêm lên một cách sinh hoạt của một gia đình rất cao thượng mà rằng : *Kể xa môn trông thấy nữ sắc phải luyến ngay người già như mẹ mình, người lớn như chị mình, người nhỏ như em gái mình, người bé như con mình*

Lại sau nữa, nói : tâm thân phải giữ cho điều độ thỉa hợp như giấy đàn vừa khoảng không giãng không trùng. Lại kèm có mấy chương về thể văn vấn đáp đều bàn luận về chỗ thực tế đời người. Chỗ rất có nhiều hứng thú là : Phật hỏi một thầy xa môn rằng : « *mệnh người ta bằng khoảng nào ?* » Thầy xa-môn ấy thưa : « *Bằng khoảng vài ngón* » Phật nói : « *Thế là thầy chưa hiểu đạo* ». Phật lại hỏi một thầy xa-môn khác : « *Mệnh người ta bằng khoảng nào ?* » Thưa : « *Bằng khoảng bữa cơm* ». Phật nói : « *Thế là thầy chưa hiểu đạo* ». Phật lại hỏi một thầy xa-môn khác : « *Mệnh người ta bằng khoảng thời gian nao ?* Thưa : « *Bằng một khoảng thở ra hít vào* ». Phật nói : « *Thế là thầy hiểu đạo đó* ».

Ý nghĩa trên ấy là cái luận điệu của Tiểu thừa Phật giáo. Nhưng xem những chỗ đề xướng trong kinh này thì chú trọng về Bồ tát đạo (bodhisattva) hơn là A la hán đạo (Arhat) Cho nên trong kinh có mấy lời dường như muốn só chuộng về phần giáo nghĩa cao hơn. Như Phật nói : « *Kể nào tuy cách xa ta mấy nghìn dặm mà nghĩ nhớ đến giới hạnh của ta thì kẻ ấy tất đắc đạo. Còn kẻ nào tuy ở liền bên tả bên hữu ta thường trông thấy ta mà không theo giới hạnh của ta thì kẻ ấy trọn đời cũng không đắc đạo* ». Ấy về sau Phật giáo Trung quốc do cách dạy dỗ kèm hạp đưc hạnh mà só chuộng về lối tu giới chân tu, là nhờ sức của những lời này trong kinh ấy.

Hai vị tăng Ca-diếp Ma dăng và Chúc Pháp-lan ở lại Lạc dương chưa bao lâu thì đều tịch cả. Những khuôn phép tinh thành của hai vị thực đủ để dạy bảo cho đời sau. Hai vị ở chùa Bạch mã rồi sau các chùa đều bắt

hước kiều chùa ấy. Kinh Tứ thập nhị chương có lời nói rằng: « Kể làm việc đạo như con trâu kéo nặng đi giữa chỗ bùn sâu phải chuyên tâm nghĩ về đạo thì mới khỏi khổ được » Ôi cái tinh thần thành tâm đờ chí ấy, hai vị tăng này thực tự có dư Người ta đáng đem mấy lời kinh ấy thay làm lời mình mà khắc ở bia mộ chí cho hai vị vậy.

(còn nữa)

D. N. T.

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

**Tổng đại hội-đồng các hội Phật-học các tỉnh
Trung kỳ đã họp ở Huế**

Tổng-đại hội-đồng các hội Phật-học các tỉnh Trung-kỳ đã khai mạc sáng hôm 14 aout tại chùa Từ-dàm. Cụ Thiệu Nguyễn-đình-Hoè, Hội-trưởng hội Phật-học ở Huế chủ-tịch Hội-đồng dự-nghị có rất đông đại biểu của các chi hội các tỉnh. Từ Thanh-hóa cho đến Bình-thuận đều có phái hội viên về Huế thay mặt cho hội nhánh tỉnh mình tham gia Tổng đại hội-đồng ấy.

Những vấn đề quau yếu thảo luận trong hôm ấy là việc chấn-chỉnh và khuếch trương công cuộc truyền bá Phật-giáo ở các tỉnh Trung-kỳ.

Những phương pháp hoằng dương Phật-pháp mà Tổng-đại hội-đồng chú trọng là việc đào tạo các học sinh học Phật, việc truyền bá báo Viên Âm Nguyệt-San và việc tổ chức các buổi diễn giảng giáo lý đạo Phật ở các tỉnh.

Vấn chết vì miếng giữa làng

Đuốc-Tuệ hết sức hổ hào hương-âm giải phóng mà nào có ai nghe. Nam-định mới đây lại xảy ra cái án đê m nau suýt chết vì miếng thịt biếu. Nguyên lệ làng Cát-

chủ-nội, Trục-ninh, ai đã làm đủ lễ lệ làng thì mới được ăn cỗ biếu của đám hiếu. Trong có tên Nguyễn-Tân còn thiếu lễ nên anh Vệ Thăng, lính khố đỏ về hưu, không cho Tân ăn cỗ biếu ấy. Tân thù đem người đón đánh Thăng lúc đi đêm. Thăng bị đứt ngón tay út và va bị chém nhiều nhát, máu đầm đìa, chết ngất, chùng bỏ chạy.

Lại bọn quyền dũ còn gái bé, đã bị tù

Bọn Phùng thị Chính, Đinh văn Chính và Đinh văn Thuận cùng quê ở Nam định, đã bỏ bùa mê đủ 10 cô gái chưa thành-niên đem đi bán ở xã Đại-phạm, huyện Hạ-hòa, Phú-thọ, bán được 4, 5 đồng bạc một cô. Nay bị bắt, tòa án Nam-định xét rồi kết án bọn Thị-Chính mỗi đứa 8 tháng tù.

Với ngạch thuế thân sang năm (1939)

Người ta đoán biết ngạch thuế thân sang năm sẽ tăng ra nhiều bạc. Vì người ta đã thấy các quan chức đi điều tra ở các làng xem số tài sản của các nhà mà định thêm ra 4 hạng nữa đối với các hạng năm ngoài. 4 hạng thêm là: Hạng đóng 75\$, Hạng 100\$, Hạng 150\$, và hạng tốt bạc là 200\$. Đó là những hạng nhà giàu. Còn hạng gọi là đủ ăn tức là hạng đóng 7\$ hiện năm nay thì Chính phủ hạ xuống cho 0\$50 còn đóng có 6\$50. - Theo ý chúng tôi thì 4 hạng thêm sau, nhất là người có tài sản tốt bạc mà đóng 1\$0\$ 200\$ cũng không khó gì, duy hạng nghèo cùng đáng lẽ chỉ phải đóng 1p. mà vì có 1, 2 sào ruộng hoặc 5, 3 thước đất mà quan cho là hữu sản bắt đóng 2\$50. như nhiều người bị năm nay, thì xin Chính phủ xét mà quyết định lại cho. Lại đã phân định số thuế thân theo tài sản thì cứ theo tài sản của từng người, đừng theo cái ngạch thuế thân cũ của từng làng như làng nào nhiều người nghèo ngạch thu kém đi lại bắt những người tài sản hạng dưới phải chịu thuế thân trên cho đủ với ngạch cũ của cả làng. Như thế khổn đốn cho dân mà thành ra pháp luật không nhất định.

Nghị định tăng giá rượu đã ký

Sau khi hỏi ý-kiến Đại hội nghị kinh tế và tài chính Đông-dương, quan Toàn-quyền Brévié vừa mới ký nghị định tăng giá rượu như sau này :

Rượu trắng nguyên chất (100 độ) bắt đầu từ 31 Juillet 1938 đánh thuế 0p.205 một lít.

Rượu màu (ta thường gọi là rượu Tàu như rượu ngũ-giá-b), rượu lê v. v.) đánh thuế 0p.305 một lít rượu nguyên chất.

Đá chết con

Chú Khoa, cai khố xanh, ở đồn Tam-kỳ, trước vốn đã có vợ và đứa con trai mới 7 tháng. Vì chú Cai Khoa say mê một cô gái, mới đuổi vợ đi rước vợ mới về. Lần nữa đứa con của vợ cũ đã lớn lên 7 tuổi, nhưng vì đi ghé con chồng nó phải thường khi về ở với ông bà ngoại nó ở Duy-xuyên. Hôm vừa rồi nó vào với bố, nhân lúc trong nhà đang bày cỗ bàn đề cúng, thằng bé thấy thế đòi ăn, bà ngoại ghé (mẹ người vợ sau) thấy cháu hồn láo bèn đánh đuổi ra chỗ khác. Bị mắng và bị đánh, thằng bé khóc và thối thối đi. Lúc ấy vào 9 giờ sáng, chú Cai Khoa, cha nó đi làm về, thấy con khóc bèn hỏi, nó chưa kịp nói, chú ta đá cho nó một cái văng ra sân nằm lịm. Đành con một cách tàn nhẫn như thế, chú Cai thần nhiên đi lấy nước rửa mặt. Đoạn ra quát gọi nó dậy, nhưng nó đau quá không nói được nữa. Chú Cai cho là nó gan, lại đâm đá thêm cho nó một trập nữa đến thằng bé bắn ra xa, 7 tuổi đầu chịu sào nổi cái đòn ác hại ấy, nó lia cổ trần. Đốc tờ khám ra là nó bị đánh rập phồi.

Một quan lớn tráo vé số Đông-dương của một bác thuyền trái

Theo một tờ báo Pháp ở Saigon có đăng tin sau này :
 Một người chủ thuyền trái ở Xóm biển (Cao-mên) có mua một vé số do một quan lớn bán cho. Ngày số xổ Quan lớn đến nhà thuyền trái ấy chơi. Chủ nhà đi vắng Quan lớn bảo vợ hầu đem vé ra coi thử. Một lát quan,

trả lại tấm vé và nơi cách chán nản : « Hừ, lại chết tươì 1 đồng bạc nữa. Chồng bà sao đen quá ! » Quan tộp qua ngum nước, Ngái về.

Hôm sau người chồng về, mừng gọi vợ : « Má nó ơi, mình trúng 1000 đồng » Vợ nói : « Thôi đi, đừng nói róc. — Bạỵ, ai nói róc, trúng thiệt mà ! — Hôm qua quan nói trật lốt rồi còn đâu » Chồng lấy vé ra xem thì bị cháo mắt rồi, liền kêu ầm lên, và đi kiện quan lờu ấy tội gian lận.

TIN THẾ-GIỚI

Mỹ-Châu

Cướp lấy ngôi sao trên trời, nhà Thiên-văn sư giết bạn đồng-nghiệp

Tại Thiên-văn-dài ở Lima, nước Bỉ-lỗ (Pérou), Nam Mỹ-châu, có hai viên bác học làm việc là ông Acosta và ông Bellago. Cách đây vài tuần, một buổi sáng, bỗng ông Acosta gọi điện thoại báo sở cảnh sát là ông Bellago bị ám sát. Sở Cảnh-xát đến thì quả ông Bellago bị giết chết, giao còn cầm ở cổ. Không biết hung thủ ở đâu, nhà chức trách đang lưu ý. Sau đó một tờ báo đăng một bài của giáo-sư Acosta mới phát minh ra được một vì sao mới ở trên trời. Quan tòa ngờ, liền đến nhà Thiên-văn nhờ ông giáo sư Acosta chỉ cho xem vì sao mới tìm ra ấy, bắc viễn kính cho coi; viên quan tòa chẳng thấy chi, nhờ giáo-sư tìm giúp rồi chỉ cho. Giáo-sư Acosta tìm lần quần hồi lâu mới thấy. Viên quan tòa xem ý đoán biết gian tình liền bắt. Ông Acosta tra hỏi, ông ta thú thực là ông bạn đồng nghiệp tìm ra ngôi sao mới và khoe với ông, ông lấy làm khoái quá mà giết bạn để tranh lấy tài phát minh ấy. Ôi, giết bạn tranh tài của bạn mà danh vẫn về bạn, ông bác học Acosta thực chưa học đến giới tham và lẽ quả báo của Phật.

Ấu - châu

Cuộc nội chiến Tây-ban nha

Cuộc nội-chiến này vẫn găng, tin Salamanque 188. Trên dọc sông Sègre, quân Phái-xít với quân Bình-dân

đang đánh nhau, quân Phát-xít cướp được nhiều chiến cụ và tù binh. Trên bờ sông Ebre cả một sư đoàn quân binh dân đã bị đánh tan. Những nơi đại chiến trảng là ở Gandssa. Hai bên từ 6 ngày nay đã thiệt đến 2 vạn người, mà chưa bên nào thắng bại.

Pháp xây hầm và tập trận

Pháp, tin Paris, 9 Aout. — Nói trong các việc sửa sang tại điện Bourbon năm nay, quan hệ nhất là đã xây một cái hầm ở điện ấy. bọc si-măng cốt sắt để tránh phi cơ. Khi chiến tranh, ủy ban Hạ-ngự-viện có thể yên lòng làm việc.

Tin ở Briançon, bắt đầu sáng hôm nay đã khai cuộc tập trận ở núi Alpes giáp giới nước Ý là núi mà Nã-pha-luân đã đem quân vượt sang đánh Ý. Cuộc tập trận này khá to. Ý và các nước đều đến xem tập trận.

Đức đắp chiến-lũy ở biên-thùy Tiệp và mở cuộc thao diễn không-lô

Từ 10-8, Đức đắp chiến lũy ở giáp biên-thùy Tiệp-khắc gấp lắm, sửa ga xe hỏa ở đây là Seidenberg to hơn trước. Các đường sắt đều đặt kép. Tin từ 14 ở Berlin cuộc tập trận này gọi quân trừ-bị, quân quốc dân tới 1 400.000 người. Lại thêm vào 50.000 đảng viên quốc-gia xã-hội. Đến nay số đại-binh ấy đã ra biên giới đang diễn tập. Lấy hết cả xe vận tải của dân sung vào việc tập trận cho mãn kỳ, lấy nhiều thợ ở Berlin giúp việc, ông Hitler cũng ở trong trại lính. Các nước đều ngờ Đức sẽ nhân việc tập trận mà kéo tràn sang Tiệp như khi kéo tràn quân sang Áo. Pháp đã phái viên Đại-tướng không quân sang coi tập trận. Tiệp cũng phải uất. Hội các hạ-sĩ-quan trừ-bị đang hô hào dư luận thế-giới, nói : « ..Chúng tôi tuyên bố quyết không để quyền-lực quốc-gia bị sụt hay bị phá, xin sống chết tranh đấu với một lời nói hay với cuộc cử động nào, thế không lui ». Đức lại cho 500.000 người vừa thợ vừa kỹ-sư để xây đắp chiến hào dọc theo biên thùy Pháp. Cuộc Trung Âu thật đang nghiêm trọng.

Đức, Ý với việc phòng thủ Đông dương

Tin Berlin, 3 Aout, Đức thấy ông Tổng-trưởng thuộc-địa Pháp là Mandel đọh mở cửa Cam-ranh nước ta thành nơi quân-cảng tối tần, Đức cho cửa bể Cam-ranh là nơi quân-cảng tối nhất hoàn cầu. Báo Berliner của Đức đã nói, đại khái. Vùng Cam-ranh ở phía đông Saigon độ 200 dặm, người ta sẽ lập thành một nơi căn-cứ cho chiến-hạm lớn. Nhiều tàu ngầm kiểu mới đã từ Toulon tới Saigon. (Trích báo La Volonté Indochinoise). Ý thì Chính phủ của Mussolini cũng đề ý đến cuộc phòng thủ Đông-dương. Hãng thông tin Stefani của Ý mới truyền tin khắp thế giới đại ý nói : ở Hanoi đã đang tiến hành việc mộ 2 vạn lính, đã mộ toán thứ nhất xong trong tháng 6, toán thứ hai cũng đã tiến hành kén trọn. Lính mộ này khoẻ mạnh cả. Saigon đã tập phòng nạn tàu bay đến đánh đêm. (Trích báo Đông-pháp).

Việc Trung-Nhật

Quân du kích Tàu. — Quân du kích Tàu vẫn hoạt động ở các mặt trận. Tin Hương-cảng, 17 Aout, quân du kích Tàu ở đường Nam-Kinh Thượng-hải có lần đã đánh lấy được Lê -dương, nhưng thấy đại-đội quân Nhật kéo đến đông lắm, quân du-kích Tàu tự kéo đi lên giữ Tam-tinh-kiều.

Nhật quyết đánh đề cải tạo nước Tàu

Đông-kinh, 17 Aout (tin của Pháp) đại khái nói Nhật báo những lời cho vì việc tranh đổi Trương cao phong, Nhật phải giảm việc đánh Tàu để đối với Nga, nhưng hôm nay Nhật đã họp Nội các bàn cứ cố sức theo đuổi về quân-sự, kinh-tế, ngoại giao để phá đổ chính phủ Tưởng-giới-Thạch, và lập lên một nước Trung-hoa mới mà việc lấy Hán-khẩu đã sắp thành công. — Tin của Nhật, cũng hôm ấy, Thủ-tướng Cậu-vệ đã vào bộ kiến Nhật hoàng nói về những điều do 5 vị Tổng-trưởng đã bàn định lập một cơ-quan tập trung về việc kiến thiết nước Trung-hoa mới.

KINH NHÀ PHẬT

Chuyên môn bán các thứ kinh, giấy tiền vàng
sinh, khắc các con giầu, bản kinh bản thẻ, giá rất
hạ, công việc có đủ tin nhiệm.

Thư và ngân phiếu xin để cho :

M. PHAM-VĂN-TRAC

18, Lamblot - Hanoi

(Phố nhà thờ trước cửa đền Ung)

QUÍ TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÂM CHÙA TRUNG ƯƠNG

Mme Nguyễn thị Hợi 15bis Rue des Cuirs	3\$00
Mme Trương 57 Rue du Sông tổ lịch.	12.00
Mme Phúc Long 36 Hàng da.	5.00
M. Ngô văn Lan 36 Rue Sœur Antoine	30.00
M. Phan tiến Thịnh ở Quan nhân Thanh-tri	3.00
Mme Phùng thị Bý ở Quan nhân Thanh-tri	2.00
Mme Phạm xuân Phụng 129 Bạch mai.	1.00
Hiệu Vạn Lợi 65 Rue des Voiles	10.00
M. Nguyễn danh Gia, làng Dương liễu Hadong	1.00
M. Lưu văn Thân tức Ba Nghĩa 33 Ngã tư sở	1 00
M. Trần văn Vàng 33 Ngã tư sở Hadong	1.00
M. Bạch đăng Khôi và Mme Nguyễn thị Nghệ làng Khương trung Hadong	3.00
Mme Hoàng thị Hách làng Khương-trung Hadong	1.00
Mme Tạ thị Nhạn làng Khương trung Hadong	1.00
M. Nguyễn văn Thổ, Ngã tư sở	2.00
M. ne Nghiêm thị Xuyên, làng Khương trung	1 00

Mme Nguyễn thị Mân, làng Khương trung	1\$00
Mme Hoàng thị Hương, làng Khương trung	1.00
M. Trần huy Đạo 48 Borgois Desbordes	20.00
Mme La thị Xuyên tỉnh Bắc ninh	1.00
Mme Lê thị Châm, làng Cư lộc Hadong	1.60
Mme Đỗ thị Lũ, làng Khương trung	1.00
M. Nguyễn nhác, Khoan, làng Gia thủy, Gia lâm	1.00
Hiệu Mỹ Hòa, Phố Hàng cân	1.00
M. Thanh sơn, Lương sơn Hòa bình	
Mme Trần thị Tịch Thái nguyên N. 1.	
M. Lai đức Đệ, 13 Phố Thái Hòa Thái nguyên	
Mme Nguyễn thị Nhi Phố Bắc kạn Thái nguyên	
M. Đồng mỗ Tự Thái nguyên	2.00
M. Trần văn Phúc	2.00
M Trần văn Toán,	2.00
Mme Nguyễn thị Thoác	1.00
M. Nguyễn khắc Ân	1.00
Cụ Hòa Tường 63 Phố Hàng Áo	100.00
Cụ Tân Long 72 phố Cầu gỗ	20.00
Cụ Đông An 53 phố Hàng ngang	20.00
Cụ Lê quảng Long 45 phố Hàng ngang	20.00
Hiệu Đại Ich 33 phố Hàng Đường	30.00
Mme Trần thị Lan 33 Route de Huế	20.00
Cụ Vũ huy Quang 8 Rue Lagisquet	20.00
Hiệu ảnh Hương ký 84 Jules Ferry	5.00
Cụ Ngọc Anh 48 Hàng Đường	50.00
Cụ Trần thị Phúc 47 Hàng Kèn	25.00
Hiệu Phúc Xương 68 Hàng Áo	20.00
Mme Nguyễn đình Quế phố Hàng Cốt.	20.00
Cụ Nguyễn thị Nghi 53 Hàng Đường.	50.00

(còn nữa)